

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ BẾN THÀNH (BTT)

186 - 188 Lê Thánh Tôn, Quận 1 – Thành phố Hồ Chí Minh

Mã số thuế : 0301164065

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012

Tháng 4/2013

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Mục lục	Trang
I. Thông tin chung	
Thông tin khái quát	01
Quá trình hình thành và phát triển	02
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh chủ yếu	05
Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	07
Định hướng phát triển	08
Các rủi ro	10
II. Tình hình hoạt động trong năm	
Tổ chức và nhân sự	10
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	16
Tình hình đầu tư tài chính	19
Tình hình tài chính	20
Cơ cấu cổ đông	21
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc	22
IV. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty	27
V. Quản trị Công ty	29
VI. Báo cáo kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất	Phụ lục

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ BẾN THÀNH

NĂM 2012

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

Tên tiếng anh : **BEN THANH TRADING & SERVICE JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt : **BEN THANH TSC**

Logo :



**Ben Thanh
TSC**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 0301164065

Vốn điều lệ : 88.000.000.000 VNĐ (Tám mươi tám tỷ đồng)

Địa chỉ : 186 – 188 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-8) 38 223 390 Fax: (84-8) 38 291 389

Email : benthanh@benthanhtsc.com.vn

Website : www.benthanhtsc.com.vn

Mã cổ phiếu : BTT

2. Những sự kiện quan trọng:

2.1 Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành được thành lập ngày 21 tháng 04 năm 2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002274, tiền thân là Công ty Thương mại tổng hợp Bến Thành, một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Bến Thành.

Năm 1992, Công ty Thương mại tổng hợp Bến Thành được thành lập theo quyết định số 22/QĐ-UB ngày 29/09/1992 trên cơ sở sáp nhập 3 đơn vị thương nghiệp quốc doanh: Công ty Thương nghiệp tổng hợp Quận I, Công ty Thương nghiệp tổng hợp chợ Bến Thành, Công ty Thương nghiệp tổng hợp chợ Dân Sinh.

Năm 1997, Công ty Thương mại tổng hợp Bến Thành trở thành đơn vị thành viên của Tổng Công ty Bến Thành theo quyết định số 7448/QĐ-UB-KT ngày 26/12/1997 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 16 tháng 12 năm 2003, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định số 5435/QĐ-UB chuyển Công ty Thương mại tổng hợp Bến Thành thành Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành hạch toán kinh tế độc lập.

Ngày 21 tháng 4 năm 2004, Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 4103002274 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 21/4/2004.

Các lĩnh vực hoạt động của Công ty cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành là : Dịch vụ Thương mại, Dịch vụ địa ốc, Đầu tư tài chính; trong đó dịch vụ bán lẻ tại chợ Bến Thành – chợ Dân Sinh, xuất nhập khẩu tổng hợp các ngành hàng, xây dựng và khai thác trung tâm thương mại - văn phòng cho thuê là những lĩnh vực mũi nhọn của Công ty

Năm 2007, Công ty cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành đủ điều kiện trở thành công ty đại chúng và chính thức đăng ký với Ủy ban chứng khoán Nhà nước vào tháng 06 năm 2007.

Ngày 14/4/2010 Doanh nghiệp niêm yết cổ phiếu lần đầu trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2 Quá trình tăng vốn điều lệ tính từ khi cổ phần hóa

Thời gian	Vốn điều lệ	Giá trị tăng thêm	Phương thức tăng vốn điều lệ
Mới thành lập (Ngày 21/04/2004)	25 tỷ đồng		
Lần 1 Tháng 12/2005 (Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-2005 ngày 12/04/2005)	30 tỷ đồng	5 tỷ đồng	Phát hành cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu.
Lần 2 (*) Tháng 12/2006 (Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-2005 ngày 12/04/2005)	35 tỷ đồng	5 tỷ đồng	Phát hành cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu.
Lần 3 Tháng 05/2007 (Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-2007 ngày 09/04/2007)	49 tỷ đồng	14 tỷ đồng	Phát hành cho cổ đông hiện hữu thông qua hình thức chia cổ tức bằng cổ phiếu.
Lần 4 Từ 05/2007 -12/2007 (Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-2007 ngày 09/04/2007)	88 tỷ đồng	39 tỷ đồng	Chào bán cho các đối tượng sau: - Phát hành cho cổ đông hiện hữu: tổng giá trị phát hành là 17,15 tỷ đồng. - Phát hành cho cán bộ chủ chốt của Công ty. Tổng giá trị phát hành là 2,45 tỷ đồng. - Phát hành cho cổ đông chiến lược (Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cotecin, và Công ty CP Chứng khoán Phương Đông): Tổng giá trị phát hành là 4 tỷ đồng. - Phát hành thông qua đấu giá cạnh tranh cho các nhà đầu tư chuyên nghiệp: Tổng giá trị phát hành là 15,4 tỷ đồng.

(*) Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/NQ-2005 ngày 12/04/2005 đã thông qua phương án tăng vốn từ 25 tỷ đồng lên 35 tỷ đồng, chia làm hai giai đoạn: lần thứ nhất tăng vốn thêm 5 tỷ đồng bằng hình thức chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, lần thứ hai tiếp tục tăng vốn thêm 5 tỷ đồng thông qua chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty.

2.3 Thành tích đạt được:

Là đơn vị chuyên đổi từ doanh nghiệp nhà nước, Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành đã luôn phát huy được thế mạnh về kinh nghiệm cũng như những lợi thế sẵn có trong quá trình hoạt động kinh doanh, phát huy tinh thần đoàn kết và lao động sáng tạo của toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty.

Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của Doanh nghiệp đạt được 5 năm gần đây như sau:

Đvt: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2008	2009	2010	2011	2012
1	Doanh thu thuần	310.974	208.305	272.301	311.135	325.178
2	Lợi nhuận trước thuế	21.314	36.153	43.494	45.668	47.620
3	Vốn điều lệ BQ	88.000	88.000	88.000	88.000	88.000
4	Tỷ suất LNTT /VĐL(%)	24,22	41,08	49,42	51,90	54,11
5	Nộp Ngân sách	24.796	26.985	35.333	46.463	47.874

Ghi nhận những thành quả mà doanh nghiệp đã đạt được trong nhiều năm liền, Chủ tịch Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đã tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Nhì (năm 2005); Hạng Nhất (năm 2010) cho tập thể CBNV của Công ty.

Ngoài ra, đơn vị cũng nhận được rất nhiều Bằng khen, Cờ Thi đua hàng năm của Thủ Tướng Chính phủ, Thành Ủy, UBND Thành phố Hồ Chí Minh khen tặng về thành tích xuất sắc trong công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc.

MỘT SỐ THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU CỦA DOANH NGHIỆP

HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG	Đối tượng được khen thưởng
A HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG	
- Hạng Nhất	Tập thể CBNV (năm 2010)
- Hạng Nhì	Tập thể CBNV (năm 2005)
- 2 Hạng Ba	Cá nhân (năm 2011)
B BẰNG KHEN CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	
- 2 Bằng Khen	Tập thể CBNV (năm 2002) Tập thể CBNV (năm 2007)
- 9 Bằng Khen	Cá nhân CBNV
C KHEN THƯỞNG CỦA THÀNH ỦY VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	
- 17 Bằng Khen và Cờ Thi đua	Tập thể CBNV
- 22 Bằng Khen	Tập thể đơn vị trực thuộc
- 112 Bằng Khen	Cá nhân CBNV

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh chủ yếu:

3.1 Ngành nghề kinh doanh:

- ***Kinh doanh thương mại:*** Vải sợi, hàng may mặc; Kim khí, kim loại; Hàng điện lạnh - điện gia dụng; thiết bị nâng, dụng cụ phụ tùng.
- ***Kinh doanh dịch vụ:*** cho thuê văn phòng.
- ***Đầu tư tài chính:*** Đầu tư tài chính vào các ngành có liên quan đến hoạt động của Công ty; Hợp tác đầu tư trong các lĩnh vực du lịch, nhà hàng, khách sạn, trung tâm thương mại, trung tâm tiệc hội nghị, tiệc cưới, cao ốc văn phòng cho thuê, cơ sở giáo dục ...

3.2 Địa bàn kinh doanh:

- **Trung tâm Bến Thành Đông, Trung tâm Bến Thành Tây:**

Chợ Bến Thành là một địa điểm mang nét văn hóa chợ đặc trưng của thành phố lớn phía Nam, là điểm đến không thể thiếu trong các chuyến tham quan du lịch,

thu hút rất nhiều du khách từ khắp nơi trên thế giới đến tham quan mua sắm. Đây là một lợi thế rất lớn và riêng có của Bến Thành TSC.

Trung tâm Bến Thành Đông có các gian hàng tập trung tại khu vực hành lang từ cửa Đông sang cửa Nam chợ Bến Thành. Trung tâm Bến Thành Tây tọa lạc tại khu vực hành lang, trải dài từ cửa Tây sang cửa Nam Chợ Bến Thành.

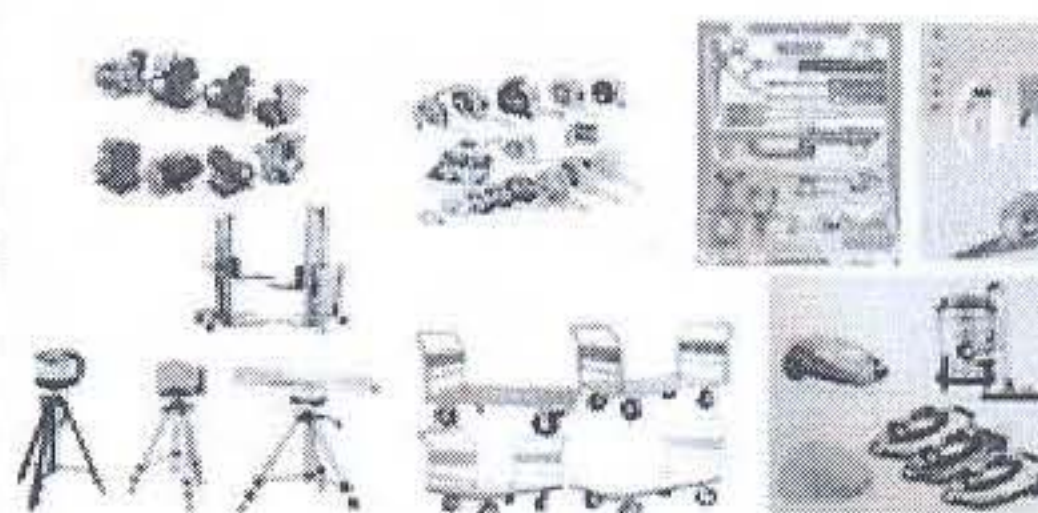
Trung tâm Bến Thành Đông và Trung tâm Bến Thành Tây kinh doanh nhiều chủng loại sản phẩm, phần nào đáp ứng được nhu cầu của khách hàng, và đặc biệt là du khách đến mua sắm tại chợ Bến Thành.



Các nhóm hàng kinh doanh chính của Công ty tại Trung tâm Bến Thành Đông và Trung tâm Bến Thành Tây là : Vải, Quần áo may sẵn - Hàng lưu niệm, Quà tặng - Hàng sơn mài, thủ công mỹ nghệ - Va ly, túi xách, ví da ...

Hiện nay Công ty đang xây dựng hệ thống website Thương mại điện tử cho TT Bến Thành Đông và TT Bến Thành Tây nhằm mở rộng phạm vi kinh doanh và mang lại sự thuận tiện cho khách hàng. Các nhân viên bán hàng của Trung tâm luôn được huấn luyện nhằm nâng cao hơn nữa các kỹ năng giao tiếp, ngoại ngữ để việc phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn.

- Trung tâm Dân Sinh:



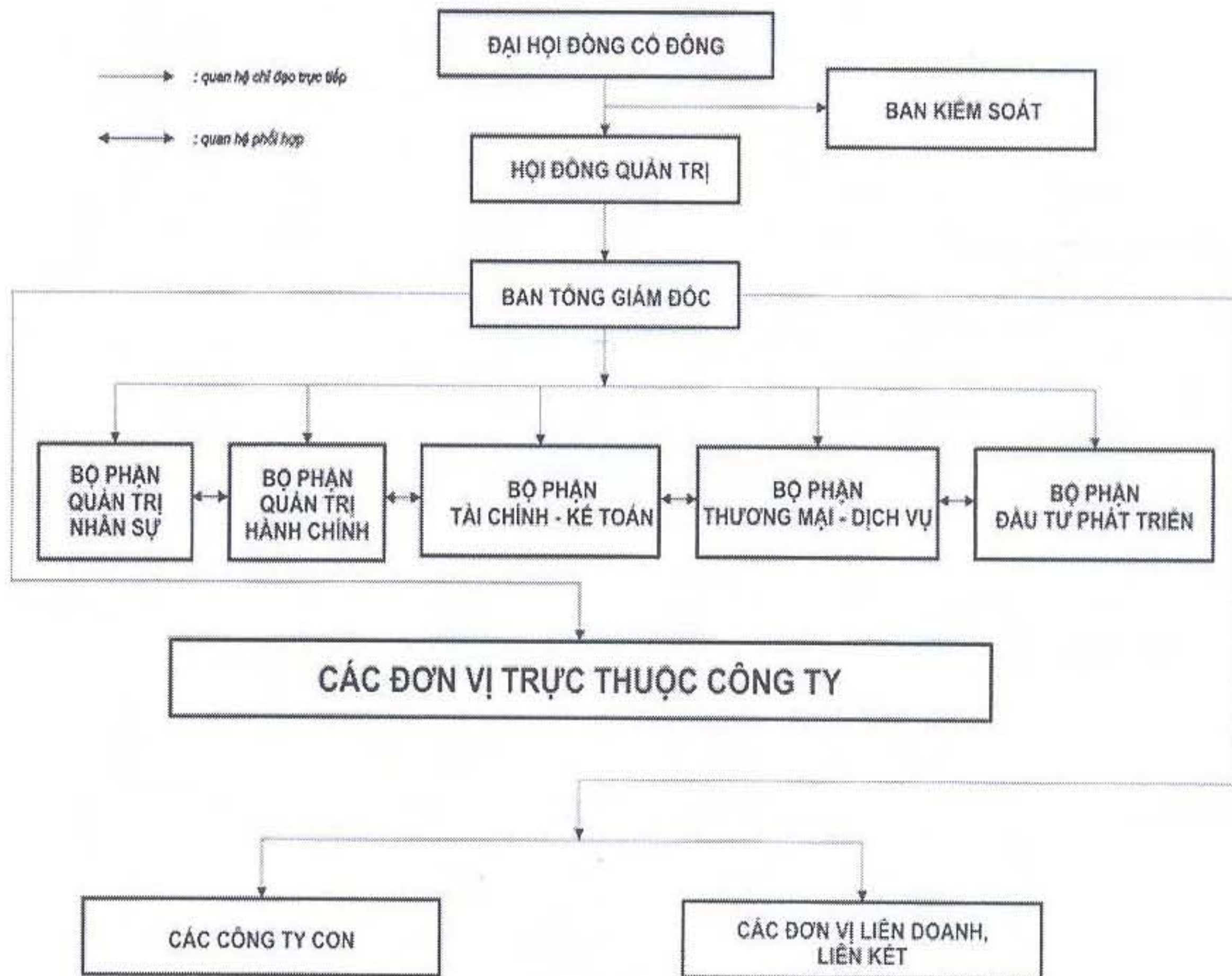
Một số ngành hàng kinh doanh tiêu biểu

Chợ Dân Sinh là khu chợ nổi tiếng từ lâu đời ở Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động kinh doanh diễn ra thường xuyên và tập nập. Chợ Dân Sinh chuyên kinh doanh các loại sản phẩm phục vụ sản xuất, công nghiệp, hàng điện tử, gia dụng...

Khách hàng của Trung tâm Dân Sinh chủ yếu là các doanh nghiệp, xí nghiệp, cơ sở sản xuất, công nhân, thợ, ... Trung tâm Dân Sinh chuyên kinh doanh sỉ và lẻ các ngành, nhóm hàng như sau : thiết bị công nghiệp và gia dụng, phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng; thiết bị điện gia dụng; thiết bị bảo hành bảo trì ô tô - mô tô; thiết bị điện; công cụ cầm tay bằng điện; máy bơm nước; xe nâng, xe đẩy, thiết bị nâng chuyên; và thiết bị công nghiệp khác.

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

4.1 Mô hình quản trị:



4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Hội đồng quản trị	:	07 người
- Ban kiểm soát	:	03 người
- Ban Tổng Giám đốc	:	03 người
- Các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ	:	39 người
▪ Quản trị nhân sự	:	03 người
▪ Quản trị hành chính	:	14 người
▪ Tài chính-kế toán	:	08 người
▪ Thương mại-dịch vụ	:	07 người
▪ Đầu tư phát triển	:	07 người
- Các đơn vị trực thuộc	:	285 người

4.3 Các Công ty con, Công ty liên kết:

❖ Công ty TNHH Bến Thành Sun Ny:

13-15 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TPHCM

Là công ty con với vốn đầu tư là **12.000.000.000** đồng (mệnh giá đầu tư là 9.000.000.000 đồng, chiếm 90% Vốn điều lệ). Công ty TNHH Bến Thành Sun Ny đang khai thác dự án cao ốc văn phòng cho thuê 208-210 Lê Thánh Tôn.

❖ **Công ty TNHH TMDV TH Bến Thành – Savico:**

17-19 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TPHCM

Công ty góp vốn và tham gia quản trị điều hành, tổng vốn đầu tư là **0,7** tỷ đồng (chiếm 23% Vốn điều lệ) là Công ty liên kết cùng hợp tác khai thác ngành xe 2 bánh và ô tô nhãn hiệu SYM.

❖ **Công ty CP Đầu tư & DV Dân Sinh:**

104 Yersin, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh

Chuyên kinh doanh ngành bất động sản với số vốn điều lệ 100 tỷ đồng, tỷ lệ vốn góp của công ty 25% (vốn điều lệ thực góp 2 tỷ đồng, trong đó Doanh nghiệp góp đợt 1 là 500 triệu đồng). Công ty thành lập trên cơ sở liên kết với các doanh nghiệp để cùng đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh khu phức hợp Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, khách sạn tại khu vực chợ Dân Sinh.

❖ **Công ty CP Cơ khí Tân Bình:**

584 Âu Cơ P.10 - Q.Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh

Cùng hợp tác đầu tư với các đối tác khai thác kinh doanh Trung tâm hội nghị tiệc cưới Âu Cơ với tổng diện tích sàn xây dựng hơn 9.000 m²; Vốn điều lệ 35 tỷ đồng, tỷ lệ vốn góp của Công ty 26,87%;

❖ **Công ty CP Đầu tư Thịnh Vượng:**

09 Lê Lợi, Phường 1, Thành Phố Vũng Tàu

Cùng hợp tác đầu tư với các đối tác khai thác kinh doanh Trung tâm thương mại vui chơi giải trí Lam Sơn Square; Vốn điều lệ 80 tỷ đồng, tỷ lệ vốn góp của Công ty 37,5%;

5. Định hướng phát triển:

5.1 Mục tiêu của Công ty:

- Phân đầu để Công Ty luôn không ngừng phát triển với tốc độ tăng trưởng ổn định, bền vững trên cơ sở mở rộng quy mô kinh doanh của doanh nghiệp trên các lĩnh vực Thương Mại - Dịch Vụ - Đầu tư tài Chính.
- Tối đa hóa lợi nhuận, nâng cao giá trị doanh nghiệp, nâng cao lợi ích của các cổ đông, tỷ lệ cổ tức hàng năm đảm bảo tối thiểu là 15%.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, duy trì việc làm và thu nhập ổn định cho CBCNV của công ty.

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Chiến lược phát triển của doanh nghiệp đến 2015 : Phát huy lợi thế vị trí địa điểm kinh doanh và năng lực tài chính, hoạt động của doanh nghiệp tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực **Thương mại – Dịch vụ – Đầu tư tài chính.**

❖ *Thương mại:*

Xác định hoạt động bán lẻ là loại hình kinh doanh chủ lực và truyền thống từ nhiều năm qua, doanh nghiệp tiếp tục phát huy những lợi thế và giữ vững được mức độ tăng trưởng trong những năm tới.

Đối với hoạt động bán buôn, Công ty xem xét, chọn lọc ngành hàng kinh doanh có tiềm năng và hiệu quả. Xây dựng ổn định nguồn nhập từ các nhà cung cấp nước ngoài, các nhà sản xuất trong nước, triển khai các hình thức hợp tác phân phối các sản phẩm của các doanh nghiệp trong và ngoài nước đã có thương hiệu để đáp ứng cho nhu cầu sản xuất – tiêu dùng.

❖ *Dịch vụ:*

Được xác định là lĩnh vực kinh doanh chiến lược của Công ty kể từ năm 2004, tạo ra lợi thế cạnh tranh và giúp cho doanh nghiệp giữ vững được tốc độ phát triển bền vững trong những năm sau.

Dựa trên lợi thế so sánh về vị trí trung tâm thành phố và tiềm năng phát triển các loại hình dịch vụ, Công ty sẽ tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất để khai thác bằng những hình thức đa dạng, linh hoạt như : cao ốc văn phòng, căn hộ cho thuê, khách sạn, nhà hàng, trung tâm tiệc hội nghị, tiệc cưới, cơ sở giáo dục ... nhằm sử dụng tối đa nguồn lực tài sản hiện có, nâng cao hiệu quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.

Duy trì và phát triển loại hình kinh doanh dịch vụ khác như tư vấn, môi giới văn phòng cho thuê, khai thuê hải quan, dịch vụ xuất nhập khẩu, dịch vụ ăn uống ...

❖ *Đầu tư tài chính:*

Mở rộng lĩnh vực hoạt động kinh doanh thông qua các hình thức liên doanh, liên kết, hợp tác hoặc đa sở hữu vốn dựa trên nguyên tắc lợi ích và khai thác thế mạnh của các bên hợp tác.

5.3 Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

- Tuân thủ các quy định bảo vệ môi trường, sử dụng các vật liệu thân thiện với môi trường trong hoạt động kinh doanh cũng như trong đầu tư xây dựng;
- Về thương mại: tạo được uy tín, thương hiệu đối với khách hàng trong nước cũng như ngoài nước, tạo được hình ảnh thân thiện, yên tâm khi mua sắm tại các điểm bán hàng của Công ty; Về dịch vụ: tăng hiệu quả sử dụng đất, cung cấp

dịch vụ chuyên nghiệp, tạo cơ sở hạ tầng tốt góp phần làm tăng thu hút đầu tư phát triển đất nước.

- Duy trì tốc độ tăng trưởng, đóng góp ngân sách Nhà nước ngày càng tăng, quan tâm công tác xã hội, tích cực hỗ trợ các địa phương, Thành phố tổ chức hoạt động chăm lo đối tượng chính sách, nghèo, bị thiên tai...

6. Các rủi ro:

Doanh nghiệp kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được trên cơ sở tiên liệu được rủi ro trong quá trình thực hiện mục tiêu. Tuy nhiên, Doanh nghiệp không lường hết được các rủi ro về chính sách, chủ trương của Nhà nước ảnh hưởng đến mục tiêu của Công ty trên khía cạnh đặc thù riêng có. Cụ thể: Các địa điểm Doanh nghiệp đang kinh doanh trên đất thuê Nhà nước có khả năng phát sinh rủi ro như: Tiền thuê đất tăng quá nhanh; thu hồi đất thực hiện dự án của Nhà nước; xây mới hoặc di dời chợ đi nơi khác ...

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tổ chức và nhân sự:

1.1 Danh sách Ban điều hành:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1. Ông Đỗ Hùng Kiệt	Tổng Giám đốc	01/2/2009	-
2. Ông Đào Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	01/5/2009	-
3. Ông Phan Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	01/8/2009	-
4. Ông Phạm Hoàng Nam	Kế Toán trưởng	01/7/2007	-

❖ **Ông: ĐỖ HÙNG KIẾT – Tổng Giám đốc**

- *Giới tính* : *Nam*
- *Năm sinh* : *1966 ; Nơi sinh : TP.HCM*
- *Số CMND* : *022543770 cấp ngày 17/06/2004 tại CA Tp. Hồ Chí Minh*
- *Quốc tịch* : *Việt Nam ; Dân tộc : Kinh*
- *Địa chỉ thường trú* : *219/18 Phạm Ngũ Lão, P.Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP.HCM*
- *Số điện thoại liên lạc* : *3822 1967*
- *Trình độ văn hóa* : *12/12*
- *Trình độ chuyên môn* : *Cử nhân kinh tế*
- *Kinh nghiệm làm việc:*
 - *Phó phòng kế toán - tài vụ Công ty TMTH Bến Thành.*
 - *Kế toán trưởng Công ty CP TM - DV Bến Thành.*
 - *Phó Tổng Giám Đốc kiêm Giám đốc Tài chính Công ty CP TM - DV Bến Thành.*
 - *Tổng Giám Đốc Công ty CP TM - DV Bến Thành.*
- *Chức vụ công tác hiện nay* : *Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc Công ty tại Tổ chức niêm yết*
- *Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:*
 - *Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Bến Thành Sun Ny.*
 - *Thành viên HĐQT Công ty cổ Phần Đầu tư và Dịch vụ Dân Sinh.*
- *Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2012 là: 807.659 cổ phần*
Trong đó:
 - *Cá nhân* : *44.000 cổ phần, chiếm 0,5% vốn điều lệ*
 - *Đại diện* : *763.659 cổ phần, chiếm 8,68% vốn điều lệ*
(Đại diện cho Tổng Công ty Bến Thành TNHH 1 Thành viên)
- *Số cổ phần của những người có liên quan* : *Không*
- *Hành vi vi phạm pháp luật* : *Không*
- *Những khoản nợ đối với Công ty* : *Không*
- *Lợi ích liên quan đối với Công ty* : *Không*
- *Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty* : *Không*

❖ **Ông: ĐÀO VĂN HÙNG – Phó Tổng Giám đốc**

- *Giới tính* : *Nam*
- *Năm sinh* : *1955* ; *Nơi sinh* : *Đồng Tháp*
- *Số CMND* : *020472651 cấp ngày 22/04/2003 tại CA Tp. Hồ Chí Minh*
- *Quốc tịch* : *Việt Nam* ; *Dân tộc* : *Kinh*
- *Địa chỉ thường trú* : *29 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM*
- *Số điện thoại liên lạc* : *3829 0756*
- *Trình độ văn hóa* : *12/12*
- *Trình độ chuyên môn* : *Cử nhân kinh tế, Cử nhân luật, Cử nhân hành chính*
- *Kinh nghiệm làm việc:*
 - *Cán bộ tổng hợp, Phó phòng, Trưởng phòng tổ chức HCQT Công ty TNHH Chợ Bến Thành, Công ty TMTH Bến Thành.*
 - *Thành viên HĐQT, Giám Đốc Nhân sự - Hành chính Công ty CP TM – DV Bến Thành.*
 - *Phó Tổng giám đốc Công ty CP TM – DV Bến Thành.*
- *Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ* : *Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty chức nhiệm yết*
- *Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:* *Không có*
- *Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2012 là:* *41.154 cổ phần*
- *Trong đó:*
 - *Cá nhân* : *41.154 cổ phần, chiếm 0,47% vốn điều lệ*
 - *Đại diện* : *0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ*
- *Số cổ phần của những người có liên quan:*

<i>Họ và tên</i>	<i>Quan hệ với người khai</i>	<i>Số cổ phần nắm giữ</i>
<i>I. Ngô Thị Kim Loan</i>	<i>Vợ</i>	<i>6.733 cổ phần</i>
- *Hành vi vi phạm pháp luật* : *Không*
- *Những khoản nợ đối với Công ty:* *Không*
- *Lợi ích liên quan đối với Công ty:* *Không*
- *Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:* *Không*

❖ **Ông: PHAN VĂN QUANG – Phó Tổng Giám Đốc**

- *Giới tính* : Nam
- *Năm sinh* : 1965 ; *Nơi sinh* : Thành phố Huế
- *Số CMND* : 025251117 cấp ngày 08/4/2010 tại CA Tp. Hồ Chí Minh
- *Quốc tịch* : Việt Nam ; *Dân tộc* : Kinh
- *Địa chỉ thường trú* : 29/8G Nguyễn Bình Khiêm, P.Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
- *Số điện thoại liên lạc* : 3822 3390
- *Trình độ văn hóa* : 12/12
- *Trình độ chuyên môn* : Cử nhân Tài chính ngân hàng; Cử nhân kinh tế.
- *Kinh nghiệm làm việc:*
 - Kế toán tổng hợp khách sạn Công ty Vận tải ô tô Thừa Thiên Huế.
 - Phụ trách kinh doanh Cửa hàng DV điện tử Trường Tiền (TP Huế).
 - Trưởng phòng Tài chính kế hoạch Xi nghiệp xây lắp điện Hùng Vương – TP Huế.
 - Chuyên viên Tổng Công ty VLXD số 1 – Bộ Xây dựng.
 - Thư ký Hội Đồng Quản Trị Tổng công ty VLXD số 1 – BXD.
 - Phó Giám Đốc Công ty Cổ phần Đào tạo và Tư Vấn Tri Thức Việt.
 - Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành.
 - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành.
- *Chức vụ công tác hiện* : Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty nay tại Tổ chức niêm yết
- *Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:*
 - Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Bến Thành – Long Hải;
 - Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Cơ khí Tân Bình;
 - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Thịnh Vương;
- *Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2012 là: 773.659 cổ phần*
Trong đó:
 - Cá nhân : 10.000 cổ phần, chiếm 0,11% vốn điều lệ
 - Đại diện : 763.659 cổ phần, chiếm 8,68% vốn điều lệ
- *Số cổ phần của những người có liên quan* : Không
- *Hành vi vi phạm pháp luật* : Không
- *Những khoản nợ đối với Công ty* : Không
- *Lợi ích liên quan đối với Công ty* : Không
- *Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty* : Không

❖ **Ông : PHẠM HOÀNG NAM – Kế toán trưởng**

- *Giới tính* : *Nam*
- *Năm sinh* : *1966* ▪ *Nơi sinh* : *Sàigòn*
- *Số CMND* : *021583288 cấp ngày 20/06/2008 tại CA Tp. Hồ Chí Minh*
- *Quốc tịch* : *Việt Nam* ▪ *Dân tộc* : *Kinh*
- *Địa chỉ thường trú* : *212/170/110 Nguyễn Văn Nguyễn, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM*
- *Số điện thoại liên lạc* : *3822 3390*
- *Trình độ văn hóa* : *12/12*
- *Trình độ chuyên môn* : *Cử nhân kinh tế ngành kế toán*
- *Kinh nghiệm làm việc:*
 - *Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành.*
 - *Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành.*
- *Chức vụ công tác hiện* : *Giám đốc Bộ phận tài chính-kế toán kiêm Kế toán trưởng nay tại Tổ chức niêm yết Công ty.*
- *Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:*
 - *Giám đốc Công ty TNHH Bến Thành Sun Ny;*
 - *Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bến Thành Long Hải.*
- *Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2012 là: 5.625 cổ phần*

Trong đó:

 - *Cá nhân* : *5.625 cổ phần, chiếm 0,064% vốn điều lệ*
 - *Đại diện* : *0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ*
- *Số cổ phần của những người có liên quan: Không có*
- *Hành vi vi phạm pháp luật* : *Không*
- *Những khoản nợ đối với Công ty* : *Không*
- *Lợi ích liên quan đối với Công ty* : *Không*
- *Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty* : *Không*

1.2 Thay đổi trong Ban điều hành:

Bổ nhiệm: không có

Miễn nhiệm: không có

1.3 Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

❖ **Số lượng lao động tại 31/12/2012:** 328 lao động.

Lao động	Số lượng	Tỷ lệ
1. Phân theo giới tính		
- Nam	95	28,96%
- Nữ	233	71,04%
2. Phân theo trình độ		
- Đại học & trên đại học	42	12,80%
- Dưới đại học	286	87,20%

❖ **Các chính sách đối với người lao động:**

- **Chính sách phát triển nguồn nhân lực**

Xác định nguồn nhân lực là yếu tố thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp trong dài hạn, Công ty đã tổ chức các khóa đào tạo & bồi dưỡng ngắn hạn phù hợp với vị trí công tác và năng lực của nhân viên cho toàn thể người lao động trong Công ty, bao gồm đa dạng các ngành nghề đào tạo : Giám đốc điều hành (CEO), Giám đốc tài chính (CFO), Giám đốc phát triển nguồn nhân lực, Quản trị nguồn nhân lực, Nghề nhân sự nâng cao, Quản lý dự án đầu tư xây dựng, Thanh toán quốc tế, Luật thương mại, Quan hệ công chúng (PR – Public Relation), Đánh giá nội bộ, Quản lý hợp đồng kinh tế, Ứng dụng thương mại điện tử trong kinh doanh, Chiến lược kinh doanh, Kế toán trưởng, Kỹ năng giao tiếp và chăm sóc khách hàng, Nghiệp vụ bảo vệ, Lái xe, ngoại ngữ : Anh văn, Hoa văn ...

Về kế hoạch phát triển nguồn nhân lực đến năm 2015, Công ty sẽ đào tạo dài hạn trình độ trên đại học, đại học, trung cấp về quản trị kinh doanh, kinh tế, tài chính, ngân hàng cho 50 cán bộ và tiếp tục đào tạo các lớp nghiệp vụ ngắn hạn cho toàn thể cán bộ, nhân viên.

Bên cạnh đó, Công ty luôn coi trọng việc thu hút nhân tài nhằm bổ sung thêm người giỏi, trẻ, phát triển năng lực – kiến thức – kỹ năng của đội ngũ sẵn có theo hướng chuyên nghiệp hoá, đáp ứng được nhu cầu nhiệm vụ mới trong thời kỳ hội nhập toàn cầu hiện nay.

- **Chính sách tiền lương, tiền thưởng**

Định hướng tiền lương, tiền thưởng phân phối cho người lao động luôn tương xứng với chức danh và kết quả làm việc của người lao động trong từng bộ phận công tác. Tiền lương, tiền thưởng thực sự là đòn bẩy kinh tế kích thích người lao động phấn đấu tăng năng suất lao động và có trách nhiệm với công việc. Đồng thời tạo môi trường làm việc thuận lợi và có cơ hội thăng tiến để họ thực sự cống hiến hết mình cho sự phát triển của Công ty.

- **Các chính sách khác đối với người lao động**

Doanh nghiệp đã thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đối với người lao động:

Đảm bảo việc làm, ổn định được đời sống và thu nhập cho trên 300 cán bộ công nhân viên Công ty.

Nộp đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.

Ký hết 100% hợp đồng lao động so với tổng số lao động.

Tổ chức khám sức khỏe hàng năm cho toàn thể cán bộ công nhân viên.

Thực hiện đầy đủ chế độ chính sách cho người lao động khi nghỉ việc, nghỉ hưu, nghỉ ốm đau, thai sản.

2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

2.1 Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế toàn hệ thống:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2011	Thực hiện 2012	Tỷ lệ Tăng-giảm
1. Tổng giá trị tài sản	346.930	346.468	-0,13%
2. Doanh thu thuần	311.135	325.178	4,51%
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	44.895	46.936	4,55%
4. Lợi nhuận trước thuế	45.668	47.620	4,27%
5. Lợi nhuận sau thuế:	34.383	35.923	4,48%
6. Lợi nhuận sau thuế thuộc cổ đông công ty mẹ	33.732	35.438	5,06%
7. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	78,26%	72,69%	-5,57%

2.2 Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần TM-DV Bến Thành

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2011	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2012	So sánh (%)	
				2012/2011	TH/KH
1. Doanh thu thuần	303.112	290.000	318.183	104,97	109,72
2. Lợi nhuận trước thuế	40.240	41.000	48.872	121,45	119,20
3. Lợi nhuận sau thuế:	30.950	32.000	38.303	123,76	119,70
4. Vốn điều lệ	88.000	88.000	88.000	100,00	100,00
5. Tỷ suất LNTT/VĐL (%)	45,73	46,59	55,54		
6. Tỷ suất LNST/VĐL (%)	35,17	36,36	43,53		
7. Cổ tức (%)	30	18	26		

2.2.1 Chỉ tiêu doanh thu:

Tổng Doanh thu: thực hiện 318,2 tỷ đồng, vượt 9,72% so kế hoạch năm, tăng 4,97% so năm trước. Chi tiết như sau:

a. Kinh doanh thương mại: Doanh thu thực hiện 268,3 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 84,34% doanh thu, đạt 110,89% kế hoạch, tăng 15,11% so năm trước. Chi tiết như sau:

➤ **Lĩnh vực bán buôn:** chủ yếu doanh thu từ hàng nhập khẩu, với tổng kim ngạch nhập khẩu trong kỳ đạt 3,45 triệu USD tăng 107,20% so năm trước. Các ngành hàng kinh doanh chủ yếu là: máy móc thiết bị, máy điều hòa không khí, thép, nguyên liệu công nghiệp, điện gia dụng...

- Trong kỳ doanh thu thực hiện 72,4 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 22,78%, đạt 213,21% kế hoạch năm và tăng 90,16% so với năm trước.
- Nguyên nhân tăng: mặt hàng tăng chủ yếu là dụng cụ đồ dùng tăng 26 tỷ; kim khí, kim loại 11 tỷ.

➤ **Lĩnh vực bán lẻ:** ngành hàng chủ yếu là vải sợi may mặc, quần áo may sẵn, hàng thủ công mỹ nghệ tại Trung tâm Bến Thành và điện gia dụng, máy móc thiết bị, dụng cụ điện cầm tay ở Trung tâm Dân Sinh.

- Doanh thu thực hiện 195,8 tỷ, chiếm 61,56% trên tổng doanh thu, đạt 94,17% kế hoạch và tăng nhẹ so năm trước.
- Nguyên nhân chưa đạt kế hoạch doanh thu đề ra chủ yếu là do ảnh hưởng của khủng hoảng, suy thoái kinh tế, giá cả biến động mạnh nên sức mua giảm nhiều.

b. Kinh doanh dịch vụ: Tổng doanh thu thực hiện là 49,8 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 15,66% đạt 103,79% kế hoạch năm và giảm 28,80% so năm trước. Nguyên nhân giảm chủ yếu là doanh thu kinh doanh bất động sản. Chi tiết như sau:

➤ **Kinh doanh dịch vụ ăn uống:**

- Doanh thu thực hiện là 5,3 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 1,69%, đạt 99,65% kế hoạch năm và tăng 48,36% so với năm trước.

➤ **Kinh doanh dịch vụ khác:** chủ yếu là hoạt động kinh doanh mua bán bất động sản và dịch vụ cho thuê bất động sản. Tổng doanh thu thực hiện 43,5 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 13,70%, trong đó:

- **Kinh doanh mua, bán bất động sản :** trong kỳ không phát sinh nên giảm so với năm 2011 là 21,6 tỷ đồng (*là khoản doanh thu phát sinh từ việc chuyển nhượng các căn hộ chung cư và bất động sản doanh nghiệp đã đầu tư năm 2011*).
- **Dịch vụ cho thuê bất động sản:** Doanh thu thực hiện 43,2 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng trên doanh thu 13,61%, vượt 8,24% kế hoạch năm và tăng 2,65% so với năm trước. Nguyên nhân tăng chưa cao do khách hàng thuê gặp nhiều khó khăn, một số đã hoàn trả mặt bằng hoặc xin đề nghị giảm giá cho thuê.

2.2.2 Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế:

- **Lợi nhuận trước thuế :** thực hiện trong năm là 48,8 tỷ đồng, vượt 19,2% so với kế hoạch năm và tăng 21,45% so năm trước.
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn điều lệ đạt 55,54%, tăng 9,81% so với năm trước, tương tự tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ đạt 43,53% và tăng 8,36%.
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu đạt 18,24%, tăng 2,62% so với năm trước; tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu đạt 14,30% và tăng 2,28% so với năm trước.

2.3 Báo cáo hoạt động đầu tư tài chính :

- Tính đến 31/12/2012 Công ty đã tham gia đầu tư tài chính với tổng số vốn đầu tư là 92,9 tỷ đồng tập trung chủ yếu là các đơn vị doanh nghiệp tham gia góp vốn với tư cách cổ đông sáng lập. Trong đó
 - Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là 0,9 tỷ đồng.
 - Khoản đầu tư tài chính dài hạn là 92,0 tỷ đồng.
- Số đã trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư tính đến cuối ngày 31/12/2012 là 14,3 tỷ đồng.

2.4 Thực hiện các dự án đầu tư:

Tiếp tục thực hiện kế hoạch triển khai các dự án đầu tư, đồng thời xem xét lại tính khả thi và giãn tiến độ thực hiện một số dự án. Trong năm đã thực hiện những nội dung sau:

- **Dự án khách sạn 25 Trương Định:** đang xây dựng sẽ đưa vào khai thác trong năm 2013.
- **Dự án 129 -131 Tôn Thất Đạm :** giãn tiến độ thực hiện đến quý 1 năm 2014 do thời điểm chưa thuận lợi.
- **Dự án 220-222-224-226 Lê Thánh Tôn:** đang chờ ý kiến của UBNDTP về quy hoạch khu trung tâm thành phố.
- **Dự án 119-120-121 Bến Chương Dương Quận 1:** đang trong giai đoạn xin giấy phép xây dựng.

3. Tình hình đầu tư tài chính:

3.1 Các khoản đầu tư lớn trong năm:

- ❖ Mua thêm 500.534 cổ phần với số tiền 5.345.874.000 đồng vào Công ty Cổ phần Cơ khí Tân Bình trong đợt tăng vốn của Công ty này từ 22 tỷ đồng lên 35 tỷ đồng.
- ❖ Góp vốn bằng tiền 30 tỷ đồng (3 triệu cổ phần) vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thịnh Vượng.

3.2 Các Công ty con, Công ty liên kết:

❖ Công ty TNHH Bến Thành Sun Ny:

Trong năm 2012, tổng doanh thu thực hiện 9,7 tỷ đồng giảm 9,5% so với năm trước, lợi nhuận sau thuế đạt 3,3 tỷ đồng, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ là 33,47%. Dự kiến phân phối lợi nhuận cho các bên trong năm 2013 là 30%.

❖ Công ty TNHH TMDV TH Bến Thành – Savico:

- Năm 2012 là năm khó khăn cho hoạt động của doanh nghiệp, hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp giảm mạnh. Doanh thu trong kỳ chỉ đạt 65,4 tỷ đồng giảm 40,39% so với năm trước, lợi nhuận sau thuế lỗ 745 triệu đồng.
- Vốn chủ sở hữu 5,7 tỷ đồng tương đương 1,9 lần Vốn điều lệ

❖ Công ty CP Cơ khí Tân Bình:

Tổng doanh thu thực hiện trong năm là 27,8 tỷ, lợi nhuận trước thuế 183 triệu đồng. Dự kiến năm 2013 lợi nhuận trước thuế 4,8 tỷ đồng.

❖ Công ty CP Đầu tư Thịnh Vượng:

Dự án đang trong giai đoạn xây dựng, dự kiến đưa vào hoạt động trong năm 2013.

4. Tình hình tài chính và các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2011	Thực hiện 2012	Tỷ lệ Tăng- giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	3,04	2,60	-0,44
+ Hệ số thanh toán nhanh	2,33	1,81	-0,52
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,24	0,22	-0,02
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,32	0,28	-0,04
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:			
+ Vòng quay hàng tồn kho	4,87	5,99	1,12
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,90	0,94	0,04
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:			
+ Hệ số Lãi ròng/Doanh thu thuần	0,11	0,11	-
+ Hệ số Lãi ròng/Vốn chủ sở hữu	0,13	0,13	-
+ Hệ số Lãi ròng/Tổng tài sản	0,10	0,10	-
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,14	0,14	-

- Tài chính lành mạnh, cơ cấu nguồn vốn hợp lý, đòn bẩy tài chính thấp; các lĩnh vực hoạt động kinh doanh đều được kiểm soát các rủi ro thông qua việc trích lập các quỹ dự phòng, mua bảo hiểm nhằm bảo toàn vốn.
- Tổng nguồn vốn dài hạn của doanh nghiệp đủ đảm bảo cho tài sản dài hạn và đáp ứng cho nhu cầu vốn đầu tư vào các dự án theo kế hoạch của Công ty.
- Khả năng thanh toán của doanh nghiệp tốt, hiệu quả sử dụng vốn khá tốt.

5. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2012, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phần:	8.800.000
Loại cổ phần đang lưu hành:	8.800.000
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do:	8.800.000
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:	-

b. Thông tin chung về cơ cấu cổ đông:

Stt	Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I.	Trong nước	509	8.796.630	99,96
1	Nhà nước	1	3.818.293	43,39
2	HDQT, BTGD, BKS, KTT	9	655.836	7,45
3	Cá nhân	482	3.079.339	34,99
4	Tổ chức	17	1.243.162	14,13
II.	Nước ngoài	6	3.370	0,04
1	Cá nhân	4	2.800	0,03
2	Tổ chức	2	570	0,01
	<u>Tổng cộng</u>	515	8.800.000	100

❖ Thông tin chi tiết về cổ đông lớn:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu đến 31/12/2012	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng Công Ty Bến Thành TNHH Một thành viên	27 Nguyễn Trung Trực, Q1, TP.HCM	3.818.293	43,39

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Trong năm 2012 Doanh nghiệp có chốt danh sách cổ đông để phát hành cổ phiếu từ thặng dư vốn để tăng vốn điều lệ từ 88 tỷ đồng lên 106 tỷ đồng. Tỷ lệ thực hiện: 44:9 (cổ đông sở hữu 44 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách sẽ được nhận thêm 09 cổ phiếu mới). Ngày đăng ký cuối cùng: 23/10/2012; Ngày niêm yết có hiệu lực 02/01/2013; Ngày chính thức giao dịch 09/01/2013.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

❖ Kết quả thực hiện chỉ tiêu kinh doanh:

- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 47,6 tỷ đồng. Trong đó, công ty mẹ thực hiện 48,8 tỷ đạt 119,2% kế hoạch ĐHCĐ giao.
- Tỷ lệ cổ tức: Mức chi trả cổ tức năm 2012 cho cổ đông là 26% đảm bảo mức chi trả cổ tức tối thiểu 18% theo chỉ tiêu do ĐHCĐ giao năm 2012.

❖ Những mặt làm được:

- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại Hội Đồng Cổ Đông giao.
- Hoàn thành các thủ tục để tăng vốn điều lệ lên 106 tỷ đồng
- Đảm bảo tình hình tài chính của doanh nghiệp lành mạnh; đủ nguồn vốn đáp ứng nhu cầu vốn hoạt động của doanh nghiệp.
- Duy trì được việc làm và thu nhập cho hơn 340 người lao động, đồng thời hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho ngân sách nhà nước.
- Tập trung công tác đào tạo, huấn luyện cho cán bộ công nhân viên công ty.

2. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài sản:

❖ Tài sản cố định:

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại (%)
Tài sản cố định hữu hình	104.486	32.670	71.816	68,73
Nhà cửa vật kiến trúc	79.109	15.553	63.556	80,34
Máy móc thiết bị	20.650	13.529	7.121	34,48
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3.773	2.735	1.038	27,51
Thiết bị, dụng cụ quản lý	954	853	101	10,59
Tài sản cố định vô hình	24.999	45	24.954	99,82
Phần mềm vi tính	133	45	88	66,17
Quyền sử dụng đất	24.866	-	24.866	100,00
Chi phí XDCB dở dang	50.176	-	50.176	100,00
Tổng cộng	179.661	32.715	146.946	81,79

❖ **Các khoản phải thu:**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2010		31/12/2011		31/12/2012	
	Tổng số	Trong đó quá hạn	Tổng số	Trong đó quá hạn	Tổng số	Trong đó quá hạn
Phải thu khách hàng	2.710	794	4.475	679	3.130	-
Trả trước cho người bán	5.607	-	2.738	-	1.296	-
Các khoản phải thu khác	31.966	427	37.028	427	26.995	-
Tổng các khoản phải thu	40.283	1.221	44.241	1.106	31.421	-
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	1.093	1.093	1.106	1.106	-	-

b. Tình hình nợ phải trả:

Công ty hiện không có các khoản nợ phải thanh toán quá hạn nào. Công ty luôn thanh toán đúng và đầy đủ các khoản nợ của Công ty khi đến hạn. Căn cứ báo cáo kiểm toán các năm 2010, 2011 và 2012, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

❖ **Tổng dư nợ ngân hàng:**

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2010		31/12/2011		31/12/2012	
	Giá trị	% dư nợ vay	Giá trị	% dư nợ vay	Giá trị	% dư nợ vay
Vay ngắn hạn			8.000	72,39	-	-
Vay dài hạn	3.371	73,43	1.831	16,57	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	1.220	26,57	1.220	11,04	-	-
Tổng dư nợ vay	4.591	100	11.051	100	-	-

❖ **Nợ ngắn hạn:**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2010		31/12/2011		31/12/2012	
	Tổng số	Trong đó quá hạn	Tổng số	Trong đó quá hạn	Tổng số	Trong đó quá hạn
Phải trả người bán	21.309	-	22.419	-	24.530	-
Người mua trả tiền trước	1.591	-	2.544	-	2.014	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.936	-	12.208	-	11.586	-
Phải trả người lao động	5.557	-	2.125	-	9.233	-
Chi phí phải trả	120	-	140	-	140	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	742	-	335	-	445	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.292	-	3.275	-	2.324	-
Tổng các khoản phải trả	34.547	-	43.046	-	50.272	-
Dự phòng phải trả	-	-	-	-	-	-

❖ **Nợ dài hạn:**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2010		31/12/2011		31/12/2012	
	Tổng số	Trong đó quá hạn	Tổng số	Trong đó quá hạn	Tổng số	Trong đó quá hạn
Phải trả dài hạn khác*	30.651	-	27.945	-	23.882	-
Dự phòng trợ cấp mất việc	445	-	-	-	-	-
Doanh thu chưa thực hiện	2.167	-	719	-	690	-
Tổng các khoản phải trả	33.263	-	28.664	-	24.572	-
Dự phòng phải trả	-	-	-	-	-	-

(*) Trong đó có khoản nợ gốc ngoại tệ là 36.000USD tương đương số tiền 745 triệu đồng. Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá của khoản nợ này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty là không đáng kể.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:

- Đã thực hiện việc tái cấu trúc bộ máy quản lý điều hành của doanh nghiệp.

4. Kế hoạch phát triển:

4.1 Dự báo tình hình:

- Lạm phát vẫn có khả năng nguy cơ tăng trở lại do biến động giá dầu, giá cả hàng hoá trên thế giới và thời tiết.
- Sức cầu tiêu dùng toàn xã hội giảm dẫn đến doanh thu của doanh nghiệp khó tăng.
- Lãi suất cho vay, lãi suất huy động có xu hướng giảm nhưng vẫn duy trì ở mức cao.
- Tỷ giá VND/ USD dự báo có khả năng điều chỉnh tăng, nợ xấu có khả năng tăng nhanh.
- Tiền thuê đất, tiền điện, nước, xăng dầu tiếp tục được điều chỉnh theo giá thị trường sẽ làm chi phí đầu vào gia tăng đột biến ảnh hưởng đến tình hình thực hiện kế hoạch của đơn vị.
- Nhu cầu về cao ốc văn phòng đã có dấu hiệu giảm dẫn đến giá thuê văn phòng sẽ tiếp tục điều chỉnh giảm.
- Hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp có vốn góp của Công ty và khách hàng thuê văn phòng vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn sẽ ảnh hưởng đến dòng thu nhập của doanh nghiệp.
- Thị trường chứng khoán, bất động sản khó có sự tăng trưởng do kinh tế vĩ mô vẫn còn nhiều khó khăn.

4.2 Mục tiêu:

- Tiếp tục ổn định hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, huy động mọi nguồn lực, tập trung các giải pháp điều hành, phân đầu thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2013 do Đại hội đồng Cổ đông giao.
- Tăng cường công tác dự báo, nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn doanh nghiệp an toàn, hiệu quả.
- Mở rộng mạng lưới kinh doanh thông qua các hình thức tự đầu tư và hợp tác đa sở hữu vốn
- Tiếp tục đào tạo huấn luyện người lao động theo hướng nâng cao tính chuyên nghiệp, nhằm tạo điều kiện cho bộ máy điều hành vận hành phù hợp với tình hình phát triển của công ty trong giai đoạn hiện nay cũng như các năm sắp tới.
- Duy trì ổn định việc làm, đảm bảo thu nhập, đời sống của người lao động.

4.3 Thực hiện kế hoạch năm 2013 với các chỉ tiêu cơ bản:

- Tổng doanh thu : 300 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 44 tỷ đồng
- Cổ tức tối thiểu : 18%/năm

4.4 Nhiệm vụ - Giải pháp:

❖ Hoạt động kinh doanh:

- Phát triển sản phẩm mới, mở rộng mạng lưới thông qua các kênh phân phối:
 - Hệ thống bán lẻ, hệ thống bất động sản của doanh nghiệp;
 - Thương mại điện tử;
 - Nhà máy, khu công nghiệp, trường dạy nghề, Các doanh nghiệp nội bộ Tổng Công Ty Bến Thành.
- Tăng cường công tác dự báo tình hình thị trường, tỷ giá ngoại tệ có liên quan đến hoạt động kinh doanh thương mại.
- Phân tích, đánh giá hiệu quả hoạt động của một số đơn vị trực thuộc, tái cơ cấu, sắp xếp lại nhằm nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp
- Kiểm soát rủi ro về công nợ, hàng tồn kho và vòng quay hàng tồn kho,
- Khai thác tối đa hiệu quả bất động sản hiện có, hợp tác đa sở hữu để mở rộng mạng lưới hoạt động trong những lĩnh vực nhà hàng, trung tâm hội nghị tiệc cưới, khách sạn.
- Tìm kiếm cơ hội đầu tư để phát triển các bất động sản mới thông qua thuê hoặc hợp tác với chi phí vốn thấp.

❖ Thực hiện các dự án đầu tư

- Tạm thời giãn tiến độ xây dựng dự án 129-131 Tôn Thất Đạm do kinh tế còn nhiều khó khăn.
- Hoàn thành các thủ tục pháp lý và xem xét lại tính khả thi các dự án đầu tư chờ cơ hội thuận lợi để triển khai dự án: dự án 220 Lê Thánh Tôn, dự án 222-226 Lê Thánh Tôn, dự án 119-121 Bến Chương Dương.
- Chọn lựa thứ tự ưu tiên thực hiện các dự án có hiệu quả, giãn tiến độ thực hiện một số dự án do chưa đem lại hiệu quả ngay.

❖ Tài chính:

- Giám sát việc quản trị rủi ro, kiểm soát tồn kho, công nợ, chi phí và hiệu quả hoạt động toàn doanh nghiệp.
- Tiếp tục thực hiện công tác dự báo về kinh tế vĩ mô để hạn chế tối đa những rủi ro thiệt hại của doanh nghiệp.
- Mở rộng mối quan hệ với các tổ chức tín dụng, ngân hàng để chuẩn bị nguồn vốn cho các dự án trong thời gian tới.
- Kiểm soát dòng tiền hàng ngày, tăng cường công tác quản trị, kiểm soát việc cân đối nguồn vốn, đảm bảo tình hình tài chính ổn định, lành mạnh.

- Cơ cấu lại danh mục cổ phiếu Công ty đang đầu tư nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, giảm thiểu rủi ro và thu hồi vốn đầu tư.

❖ **Nguồn nhân lực:**

- Định biên lại nhân sự trên cơ sở phân tích công việc.
- Xoá bỏ cơ chế lương, thu nhập bình quân; xây dựng, bổ sung chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng để làm đòn bẩy động viên khuyến khích người lao động phát huy sự năng động, sáng tạo và thực hiện hoàn thành nhiệm vụ.
- Tiếp tục tổ chức các chương trình huấn luyện và đào tạo đội ngũ CBCNV phù hợp với mục tiêu phát triển từng thời kỳ và chiến lược phát triển dài hạn của doanh nghiệp.
- Kết hợp việc tuyển dụng lực lượng trẻ và sử dụng nhân lực chuyên nghiệp thuê ngoài.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về Hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- HĐQT đã thực hiện phối hợp tốt với Ban Kiểm soát trong việc giám sát hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2012 của công ty đạt kết quả tốt trong bối cảnh kinh tế chung gặp nhiều khó khăn và diễn biến phức tạp, các chỉ tiêu do ĐHĐCĐ giao trong năm 2012 công ty đều đã đạt và vượt so với kế hoạch.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt chức năng và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao:

- Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được triển khai nhanh chóng và đạt hiệu quả khá cao.
- Các ý kiến tham mưu, đề xuất phù hợp định hướng phát triển của Doanh nghiệp góp phần quan trọng đem lại kết quả kinh doanh khả quan trong những năm qua.
- Báo cáo đầy đủ và cung cấp thông tin cho HĐQT được thực hiện thường xuyên đã phục vụ kịp thời công tác chỉ đạo, góp ý của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc để tháo gỡ những khó khăn trong hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp.

3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

❖ Kế hoạch lợi nhuận trước thuế công ty mẹ

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2012	Kế hoạch năm 2013	% tăng giảm so với năm 2012
Lợi nhuận trước thuế	48,8	44	-10%
Tỷ lệ cổ tức chi trả	26%	tối thiểu 18%	

❖ Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty:

- Chỉ đạo, quản trị hoạt động của doanh nghiệp tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2013 do Đại hội đồng cổ đông giao.
- Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn doanh nghiệp an toàn, hiệu quả.
- Chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của toàn doanh nghiệp.
- Tăng cường chỉ đạo công tác quản trị rủi ro của toàn doanh nghiệp, kiểm soát rủi ro về công nợ, hàng tồn kho.
- Cải tiến hệ thống quản trị theo hướng hiện đại để đáp ứng đủ lực cho việc quản trị hệ thống với quy mô phát triển ngày một lớn mạnh.
- Tiếp tục điều chỉnh linh hoạt chiến lược kinh doanh đến năm 2015 của doanh nghiệp phù hợp tình hình mới.
- Thúc đẩy việc hoàn thiện hồ sơ pháp lý, giải quyết vướng mắc trong thủ tục pháp lý các dự án đầu tư xây dựng cơ bản và đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án.
- Phát triển sản phẩm mới, ngành hàng mới.
- Tìm kiếm thị trường tiềm năng mới, mở rộng phát triển mạng lưới, kết hợp với việc nâng cao chất lượng sản phẩm hiện hữu để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Chỉ đạo công tác đào tạo, thu hút nguồn nhân lực.
- Chỉ đạo việc công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty và các quy chế khác.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

HỌ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ CP NĂM GIỮ		Tỷ lệ % CP năm giữ	Ghi chú
		Số CP đại diện	Số CP cá nhân sở hữu		
1. Ông Vương Công Minh	Chủ tịch	1.527.317	27.091	17,66	TV. Không điều hành
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	P.Chủ tịch	-	50.000	0,57	TV. Độc lập
3. Ông Đỗ Hùng Kiệt	Thành viên	763.659	44.000	9,18	TV. Điều hành
4. Ông Đào Văn Hùng	Thành viên	-	41.154	0,47	TV. Điều hành
5. Ông Phan Văn Quang	Thành viên	763.659	10.000	8,79	TV. Điều hành
6. Ông Lưu Văn Sơn	Thành viên	-	-	-	TV. Độc lập
7. Ông Trần Cảnh Thông	Thành viên	-	437.010	4,97	TV. Độc lập

❖ Ông : VƯƠNG CÔNG MINH – Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Công việc chính hiện nay : Phó Chủ tịch Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Bến Thành TNHH 1 Thành viên(TCT Bến Thành là Doanh nghiệp Nhà nước)

▪ Công việc kiêm nhiệm:

- Chủ tịch Hội Đồng Quản trị Công ty CP Du Lịch Bến Thành – Non Nước.
- Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản trị Công ty Liên Doanh Khách Sạn Saigon Riverside.
- Chủ tịch Hội Đồng Quản trị Công ty TNHH Liên Doanh Khách Sạn Plaza.

- Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2012 là: 1.554.408 cổ phần

Trong đó:

- Cá nhân : 27.091 cổ phần, chiếm 0,31% vốn điều lệ

- Đại diện : 1.527.317 cổ phần, chiếm 17,35% vốn điều lệ

(Đại diện cho Tổng Công ty Bến Thành TNHH 1 Thành viên)

- Số cổ phần của những người có liên quan:

Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
1. Vương Nguyễn Ngọc Trâm	Con ruột	11.650 cổ phần
2. Tổng Công ty Bến Thành TNHH 1 TV	Phó Chủ tịch HĐQT	3.818.293 cổ phần

❖ Bà : NGUYỄN THỊ THANH HÀ – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

▪ Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TM CP Phương Đông.

▪ Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2012 là : 50.000 cổ phần

Trong đó:

- Cá nhân : 50.000 cổ phần, chiếm 0,57% vốn điều lệ.

- Đại diện : 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ.

❖ Ông: ĐỖ HÙNG KIỆT – Thành viên Hội đồng quản trị

Hồ sơ chi tiết đã được thể hiện ở trang 11.

❖ Ông: ĐÀO VĂN HÙNG – Thành viên Hội đồng quản trị

Hồ sơ chi tiết đã được thể hiện ở trang 12

❖ Ông: PHAN VĂN QUANG – Thành viên Hội đồng quản trị

Hồ sơ chi tiết đã được thể hiện ở trang 13

❖ Ông: LƯU VĂN SƠN – Thành viên Hội đồng quản trị

▪ Công việc chính hiện nay : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng Việt Nga, Phó Tổng Giám đốc Sovico Holdings.

▪ Công việc kiêm nhiệm:

- Chủ tịch HĐQT Công ty Nhabexims.

- Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM.

- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Tạp phẩm Sài Gòn.

- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long.

- Trưởng Ban kiểm soát Công ty SSP

▪ Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2012 là: 0 cổ phần.

▪ Số cổ phần của những người có liên quan:

Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
1. Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM	Thành viên HĐQT	135.000 cổ phần

❖ Ông: **TRẦN CẢNH THÔNG** – Thành viên Hội đồng quản trị

- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Giám đốc tài chính Công ty TNHH “Kaluzskaia obuv”
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2012 là: 437.010 cổ phần
- Trong đó:
 - Cá nhân : 437.010 cổ phần, chiếm 4,97% vốn điều lệ
 - Đại diện : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những người có liên quan:

Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
L. Ngô Thị Thái	Vợ	435.990 cổ phần

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (không có)

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

• **THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2012:**

Trong năm 2012, Hội đồng quản trị đã hoàn thành nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao và thực hiện theo đúng quy định tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2012, nổi bật các nội dung sau:

- Chỉ đạo thực hiện vượt các chỉ tiêu kinh doanh năm 2012 do ĐHĐCĐ giao.
- Hoàn tất việc phát hành 1.800.000 cổ phiếu thưởng cho cổ đông theo đúng quy định pháp luật (trong đó 1.799.776 cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông và 224 cổ phiếu quỹ), nâng vốn điều lệ của Công ty lên 106 tỷ đồng. Đồng thời, theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị đã hoàn tất việc niêm yết, lưu ký bổ sung và thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp phù hợp với vốn điều lệ mới.

• **CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA HĐQT NĂM 2012:**

- Trong năm 2012, Hội đồng quản trị đã tổ chức 04 phiên họp thường kỳ và 04 phiên họp bất thường để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với sự mở rộng tham gia dự họp của Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng công ty.

Nội dung các cuộc họp gồm:

STT	Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Tại phiên họp lần 01/2012	06/03/2012	- Thông qua kế hoạch tổ chức và hồ sơ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012. - Xem xét phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2012.
2	Tại phiên họp lần 02/2012	16/03/2012	- Thông qua nội dung phát sinh trong hồ sơ cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2012.
3	Tại phiên họp lần 03/2012	03/4/2012	- Thông qua nội dung ủy quyền của Chủ tịch HĐQT cho Phó Chủ tịch HĐQT trong thời gian Chủ tịch đi công tác.
4	Tại phiên họp lần 04/2012	18/4/2012	- Thông qua nội dung vay vốn hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công thương chi nhánh 1 – TpHCM.
5	Tại phiên họp lần 05/2012	09/6/2012	- Thông qua nội dung vay vốn hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam.
6	Tại phiên họp lần 06/2012	26/7/2012	- Thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về tình hình hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2012 và phương hướng hoạt động kinh doanh 06 tháng cuối năm 2012. - Thông qua việc đăng ký mua thêm cổ phần do CTCP TM-DV Bên Thành Tân Bình phát hành cho đối tác ngoài DN.
7	Tại phiên họp lần 07/2012	16/10/2012	- Thông qua việc tham gia góp vốn vào CTCP Đầu tư Thịnh Vượng.
8	Tại phiên họp lần 08/2012	03/11/2012	- Thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về tình hình hoạt động kinh doanh 09 tháng đầu năm 2012 và phương hướng hoạt động kinh doanh quý 4 năm 2012. - Thông qua việc niêm yết bổ sung và lưu ký bổ sung cổ phiếu thưởng.

- Ngoài ra, trong năm 2012, Hội đồng quản trị đã tổ chức 20 lần lấy ý kiến thành viên HĐQT để xem xét, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị phát sinh giữa 02 phiên họp. Cụ thể đã ban hành các quyết định sau:

- Phê duyệt dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2011 của Công ty TNHH Bên Thành Sun Ny – công ty con.
- Ban hành các quyết định về đầu tư: Trong năm 2012, Hội đồng quản trị đã ban hành 04 quyết định liên quan công tác đầu tư xây dựng cơ bản, 01 quyết định tham gia góp vốn vào CTCP Đầu tư Thịnh Vượng, 01 quyết định mua thêm cổ phần CTCP Cơ khí Tân Bình, 01 quyết định không tham gia góp vốn vào doanh nghiệp khác.
- Phê duyệt phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) trong đợt phát hành cổ

phiếu thưởng năm 2012.

- Các quyết định liên quan đến các thủ tục đăng ký phát hành, niêm yết, lưu ký bổ sung cổ phiếu thưởng năm 2012 theo quy định pháp luật.
- Giải thể: Chi nhánh CTCP TM – DV Bến Thành- Nhà hàng 117.

- Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh và căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2012 về chỉ tiêu cổ tức tối thiểu chia cho cổ đông, Hội đồng quản trị đã thực hiện việc chi trả tạm ứng cổ tức năm 2012 cho cổ đông với mức chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 – năm 2012 là 10% và đợt 2 – năm 2012 là 8%.

- Thực hiện phối hợp tốt với Ban Kiểm soát tiếp tục giám sát nhằm duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác để đảm bảo thực hiện đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quyết định của HĐQT.

- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động Hội đồng quản trị.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị và cho ý kiến về các vấn đề thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị.

e. Các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

Phần lớn các thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia chương trình đào tạo quản trị cho các Công ty Cổ phần Đại chúng và được Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chứng chỉ hoàn thành khóa học vào năm 2010.

2. Ban kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát:

HỌ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ CP NĂM GIỮ		Tỷ lệ % CP năm giữ	Ghi chú
		Số CP đại diện	Số CP cá nhân sở hữu		
1. Bà Lê Thị Yên Tuyết	Trưởng ban	381.829	34.598	4,73	
2. Ông Vũ Hoàng Tuấn	Thành viên	381.829	6.358	4,41	
3. Ông Tạ Phước Đạt	Thành viên	151.202	-	1,72	

❖ **Bà: LÊ THỊ YẾN TUYẾT – Trưởng Ban Kiểm soát**

- Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2012 là: 416.427 cổ phần

Trong đó:

- Cá nhân : 34.598 cổ phần, chiếm 0,39% vốn điều lệ

- Đại diện : 381.829 cổ phần, chiếm 4,34% vốn điều lệ

(Đại diện cho Tổng Công ty Bến Thành TNHH 1 Thành viên)

- Số cổ phần của những người có liên quan: Không có

❖ **Ông: VŨ HOÀNG TUẤN – Thành viên Ban Kiểm soát**

- Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2012 là: 388.187 cổ phần; Trong đó:

- Cá nhân : 6.358 cổ phần, chiếm 0,07% vốn điều lệ

- Đại diện : 381.829 cổ phần, chiếm 4,34% vốn điều lệ

(Đại diện cho Tổng Công ty Bến Thành TNHH 1 Thành viên)

- Số cổ phần của những người có liên quan:

Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
- Tổng Công ty Bến Thành TNHH 1 TV	Trưởng Phòng Kiểm soát nội bộ	3.818.293 cổ phần

❖ **Ông: TẠ PHƯỚC ĐẠT – Thành viên Ban Kiểm soát**

- Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2012 là: 151.202 cổ phần

Trong đó:

- Cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Đại diện : 151.202 cổ phần, chiếm 1,72% vốn điều lệ

- Số cổ phần của những người có liên quan:

Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
1. CTCP DVTH Sài Gòn (SAVICO)	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	151.202 cổ phần

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Năm 2012, Ban kiểm soát đã tiến hành triển khai hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của ban. Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; triển khai kiểm tra, giám sát thường xuyên mọi hoạt động của công ty; định kỳ tiến hành kiểm tra trực tiếp, cụ thể:

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các Quy định về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty, Ban kiểm soát đã tiến hành giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quy định của Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong suốt niên độ.
- Tham gia các buổi họp của HĐQT, kiểm tra giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc.
- Kiểm tra tính tuân thủ của Ban điều hành, các đơn vị trực thuộc và các bộ phận của Công ty; hàng quý kiểm tra và phân tích báo cáo tài chính, xem xét đánh giá các hoạt động trọng yếu của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót, từ đó góp ý trong công tác quản trị, biện pháp hạn chế rủi ro trong lĩnh vực kinh doanh đầu tư của doanh nghiệp.
- Phối hợp với kiểm toán độc lập vào giữa kỳ và cuối kỳ nhằm đảm bảo tính chính xác và minh bạch của báo cáo tài chính. Trong năm Ban kiểm soát cũng phối hợp với Kiểm toán nhà nước, Cục thuế thành phố hoàn thành việc kiểm tra thuế của các năm trước.
- Giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo đúng quy định của pháp luật; xem xét tính minh bạch trong quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi cho cổ đông. Giám sát việc tiến hành các thủ tục pháp lý để tăng vốn điều lệ.
- Trong năm 2012, Ban kiểm soát đã tổ chức họp hai lần để kiểm điểm hoạt động của ban và triển khai các công việc theo chức năng, nhiệm vụ và kế hoạch đã đề ra, thông qua các vấn đề đã kiểm tra, xem xét để thống nhất nhận xét các vấn đề đã kiểm tra.

Nhìn chung, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty và trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát được HĐQT, Ban điều hành tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát:

a. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

STT	DIỄN GIẢI	Lương (đồng/năm)	Thù lao (đồng/năm)	Thưởng (đồng/năm)
01	HĐQT và Ban Kiểm soát	-	400.000.000	500.000.000
02	Ban Tổng Giám đốc	873.165.707	-	400.000.000

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Cổ đông nội bộ/cổ đông lớn/người liên quan	Số cổ phiếu sở hữu trước khi giao dịch		Số cổ phiếu sở hữu sau khi giao dịch		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Tổng Công ty Bến Thành – TNHH 1 thành viên	Cổ đông lớn, quan hệ với cổ đông nội bộ.	3.820.003	43,4%	3.818.293	43,39%	Tái cấu trúc danh mục đầu tư
2	Đỗ Hùng Kiệt	Cổ đông nội bộ	30.000	0,34%	44.000	0,5%	Đầu tư
3	Lê Thị Yên Tuyết	Cổ đông nội bộ	29.598	0,34%	34.598	0,39%	Đầu tư

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (không có)

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Hội đồng quản trị đã thực hiện chức năng quản trị Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động Hội đồng quản trị.

VI. Báo cáo tài chính:

Báo cáo kiểm toán hợp nhất và Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2012 Công ty cổ phần Thương mại - Dịch vụ Bến Thành (đính kèm phụ lục)

Báo cáo kiểm toán và Báo cáo Tài chính năm 2012 Công ty cổ phần Thương mại - Dịch vụ Bến Thành (vui lòng xem trên trang web: www.benthanhtsc.com.vn)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 04 năm 2013

Xác nhận của đại diện theo pháp luật

của Công ty



Đỗ Hùng Kiệt



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM

Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh

Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines)

Fax: (84.8) 3930 4281

Email: info@aisc.com.vn

Website: www.aisc.com.vn



Số: 0512352-HN/AISC-DN2

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

Kính gửi:

**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bến Thành**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập ngày 06 tháng 02 năm 2013 của CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH từ trang 05 đến trang 37 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc về trách nhiệm của Tổng Giám đốc quý Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẾN THÀNH tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. HCM, ngày 05 tháng 3 năm 2013

KIỂM TOÁN VIÊN

Dương Thị Phương Anh

Số chứng chỉ KTV: 0321/KTV

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

KT TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Ngọc Tú

Số chứng chỉ KTV: 0213/KTV

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

KIỂM TOÁN VIÊN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		130.750.859.221	158.832.731.634
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	59.088.404.789	76.700.436.410
	1. Tiền	111		4.496.697.372	7.657.960.327
	2. Các khoản tương đương tiền	112		54.591.707.417	69.042.476.083
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	302.536.000	255.525.000
	1. Đầu tư ngắn hạn	121		886.980.000	886.980.000
	2. Dự phòng đầu tư ngắn hạn khác	122		(584.444.000)	(631.455.000)
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31.420.534.705	43.134.823.560
	1. Phải thu của khách hàng	131	V.03	3.129.736.645	4.475.362.187
	2. Trả trước cho người bán	132	V.04	1.295.909.200	2.737.852.678
	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
	4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
	5. Các khoản phải thu khác	135	V.05	26.994.888.860	37.027.888.536
	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.06	-	(1.106.279.841)
IV.	Hàng tồn kho	140	V.07	39.659.132.384	37.125.194.417
	1. Hàng tồn kho	141		39.659.132.384	37.125.194.417
	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		280.251.343	1.616.752.247
	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	52.886.917	109.761.079
	2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	128.364.426	-
	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
	5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	99.000.000	1.506.991.168

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		215.717.353.274	188.096.855.041
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		146.947.204.774	149.768.729.418
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	71.816.724.680	78.185.268.208
- Nguyên giá	222		104.486.004.567	104.495.921.509
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.669.279.887)	(26.310.653.301)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.15	24.954.074.194	24.866.100.000
- Nguyên giá	228		24.998.900.000	24.898.100.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(44.825.806)	(32.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.16	50.176.405.900	46.717.361.210
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.18	65.138.472.986	32.369.170.805
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		41.114.376.303	3.206.652.605
3. Đầu tư dài hạn khác	258		37.771.729.356	46.604.687.446
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(13.747.632.673)	(17.442.169.246)
V. Lợi thế thương mại	260		3.357.746.397	1.747.059.146
VI. Tài sản dài hạn khác	270		273.929.117	4.211.895.672
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	V.19	23.498.326	3.838.895.672
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	273	V.19	250.430.791	373.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		346.468.212.495	346.929.586.675

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		74.844.200.877	82.760.828.511
I. Nợ ngắn hạn	310		50.272.518.116	52.266.366.633
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.20	-	9.220.418.504
2. Phải trả cho người bán	312	V.21	24.529.985.937	22.419.361.279
3. Người mua trả tiền trước	313	V.22	2.014.309.686	2.544.174.414
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.23	11.586.178.311	12.208.295.800
5. Phải trả người lao động	315		9.232.952.518	2.125.066.695
6. Chi phí phải trả	316	V.24	140.000.000	140.000.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	445.493.444	334.577.090
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.323.598.220	3.274.472.851
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327			-
II. Nợ dài hạn	330		24.571.682.761	30.494.461.878
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.26	23.882.137.767	27.945.207.307
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.27	-	1.830.627.750
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		689.544.994	718.626.821
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		270.272.129.960	262.559.652.438
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.29	270.272.129.960	262.559.652.438
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		88.000.000.000	88.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		127.419.120.000	127.419.120.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	12.359.335
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.156.926.111	9.156.926.111
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.628.731.915	6.084.019.966
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		38.067.351.934	31.887.227.026
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		1.351.881.658	1.609.105.726
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	540		346.468.212.495	346.929.586.675

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		92.937.000	76.327.000
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		24.197,69	81.715,45
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Kế toán trưởng

Phạm Hoàng Nam

TP. HCM, ngày 06 tháng 02 năm 2013



Tổng Giám đốc

Đỗ Hùng Kiệt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.32	325.244.439.784	311.134.505.670
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.33	66.910.399	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.34	325.177.529.385	311.134.505.670
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.35	230.004.516.866	210.737.531.963
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		95.173.012.519	100.396.973.707
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.36	14.346.208.558	13.659.270.521
7. Chi phí tài chính	22	VI.37	1.527.716.607	14.153.570.592
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		230.054.691	785.282.802
8. Chi phí bán hàng	24	VI.38	39.542.781.918	35.198.053.562
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.39	21.512.253.628	19.809.865.907
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)	30		46.936.468.924	44.894.754.167
11. Thu nhập khác	31	VI.40	1.260.221.344	337.063.964
12. Chi phí khác	32	VI.41	487.451.064	29.275.849
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		772.770.280	307.788.115
14. Lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		(88.819.453)	465.600.011
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	50		47.620.419.751	45.668.142.293
16a. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.42	11.697.663.674	11.285.634.676
16b. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		35.922.756.077	34.382.507.617
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số và chia cho hợp tác kinh doanh	61		484.667.929	650.849.850
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty (62 = 60 - 61)	62		35.438.088.148	33.731.657.767
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.45	4.027	3.833

Kế toán trưởng

Phạm Hoàng Nam

TP. HCM, ngày 06 tháng 02 năm 2013



Tổng Giám đốc

Đỗ Hùng Kiệt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		47.620.419.751	45.668.142.293
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định	02		6.454.761.106	6.990.629.100
- Các khoản dự phòng	03		(4.847.827.414)	9.496.602.374
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(24.210.451)	7.200.000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(13.817.409.957)	(10.076.342.610)
- Chi phí Lãi vay	06		230.054.691	785.282.802
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		35.615.787.726	52.871.513.959
3. vốn lưu động				
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		13.084.022.696	(4.049.633.376)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(2.533.937.967)	12.306.119.331
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		6.717.914.999	6.346.824.395
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		3.872.271.508	(580.481.501)
- Tiền Lãi vay đã trả	13		(230.054.691)	(785.282.802)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(11.346.454.939)	(11.027.456.755)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		11.132.207.763	4.875.571.908
- Tiền Chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(15.506.075.104)	(14.584.200.636)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20		40.805.681.991	45.372.974.523
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSCĐ khác	21		(3.633.236.462)	(2.758.276.781)
2. Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22		5.909.091	18.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	23		(24.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		24.000.000.000	-
5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25		(35.345.874.000)	(10.931.940.860)
6. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26		4.312.958.090	15.234.794.281
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27		14.261.724.807	9.888.478.055
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(20.398.518.474)	11.451.872.877

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	12.500.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(11.051.046.254)	(6.040.742.524)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(26.980.000.000)	(29.320.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(38.031.046.254)	(22.860.742.524)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40)	50		(17.623.882.737)	33.964.104.876
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		76.700.436.410	42.733.715.884
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		11.851.116	2.615.650
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		59.088.404.789	76.700.436.410

Kế toán trưởng

Phạm Hoàng Nam

TP. HCM ngày 06 tháng 02 năm 2013

Tổng Giám đốc



Đỗ Hùng Kiệt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

1. Thành lập: Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bến Thành được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước trước đây là Công ty Thương mại Tổng hợp Bến Thành theo Quyết định số 5435/QĐUB ngày 16/12/2003 của Ủy ban Nhân dân TP. HCM. Ngày 21/4/2004, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103002274 cho Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bến Thành. Qua các lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hiện nay công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301164065 thay đổi lần thứ 12 ngày 24/06/2011.

Tên tiếng anh: BEN THANH TRADING & SERVICE JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: BEN THANH TSC

Trụ sở chính: 186 - 188 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. Hình thức sở hữu vốn : vốn cổ phần.

3. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại - Dịch vụ.

4. Ngành nghề kinh doanh:

Mua bán hàng gia dụng, lương thực, thực phẩm, nước giải khát, thực phẩm tươi sống, rượu, vải sợi, hàng may mặc, đồ da và giả da, hàng kim khí điện máy, thiết bị phụ tùng, công nghệ phẩm, vật liệu xây dựng, chất đốt, hàng điện lạnh - điện gia dụng, dụng cụ điện cầm tay, tiểu vũ kim các loại, khóa các loại, thiết bị phụ tùng máy phục vụ công - nông - ngư nghiệp, máy vi tính và linh kiện phụ tùng, nguyên vật liệu, kim loại thành phẩm và bán thành phẩm sử dụng trong xây dựng, hàng gia dụng, hàng lưu niệm, mỹ phẩm, văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, dụng cụ thể thao, đồ chơi trẻ em, tranh sơn mài, hàng mây tre lá, sản phẩm thêu các loại, đồng hồ mắt kính, vàng bạc đá quý, thiết bị sản xuất vàng, băng đĩa từ, vật tư ngành ảnh, đồ bảo hộ lao động, dụng cụ y tế.

Mua bán, chế biến nông - lâm - thủy - hàn sản; sản xuất, gia công hàng thủ công mỹ nghệ, quần áo, sản phẩm kim loại. Mua bán dầu nhớt, thiết bị phòng cháy chữa cháy, viễn thông, cơ khí, mỡ thực phẩm, dầu động vật và thực vật, các sản phẩm từ động thực vật, chế biến từ sữa các loại.

Kinh doanh nhà, cho thuê nhà, căn hộ, văn phòng; sửa chữa nhà, trang trí nội thất, cho thuê kho bãi, dịch vụ nhà đất, môi giới thương mại. Lắp ráp, sửa chữa thiết bị viễn thông, đo đạc, cảnh báo các loại. Dịch vụ khai thuế hải quan.

Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô, cho thuê xe, dịch vụ lao động. Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính), lập dự án, dự toán công trình xây dựng; Tư vấn du học, đào tạo ngoại ngữ; Quảng cáo thương mại. Đại lý bán vé máy bay.

Dịch vụ tổ chức biểu diễn nghệ thuật không chuyên nghiệp. Kinh doanh lưu trú du lịch: nhà hàng - khách sạn, khu du lịch nghỉ dưỡng, khu vui chơi giải trí.

5. Công ty con

Công ty con là tất cả các công ty chịu sự kiểm soát của công ty mẹ " Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bến Thành" trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con. Công ty con được hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát được chuyển cho công ty mẹ. Các công ty con được loại trừ khỏi hợp nhất khi quyền kiểm soát chấm dứt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

Tổng số các công ty con : một (01)

Số lượng các công ty con được hợp nhất : một (01)

Số lượng các công ty con không được hợp nhất : không (0)

Danh sách công ty con được hợp nhất**1. Công ty TNHH Bến Thành Sun Ny**

- Trụ sở : 13-15 Calmette, Quận I, Tp.HCM.
- Tỷ lệ lợi ích công ty mẹ : 90%.
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ : 90%.

6. Công ty liên kết**Danh sách các công ty liên kết****1. Công ty TNHH TM DV Tổng hợp Bến Thành Savico**

- Trụ sở : 17 - 19 Trần Hưng Đạo, Quận I, Tp.HCM.
- Tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần TM DV Bến Thành : 23,33%.

2. Công ty CP Đầu tư & Dịch vụ Dân Sinh

- Trụ sở : 104 Yersin, Quận I, Tp.HCM.
- Tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần TM DV Bến Thành : 25%.

Tính đến thời điểm 31/12/2012, Công ty CP Đầu tư & Dịch vụ Dân Sinh chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Công ty CP Cơ khí Tân Bình

- Trụ sở : 584 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, Tp.HCM.
- Tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần TM DV Bến Thành : 26,87%.

4. Công ty CP Đầu tư Thịnh Vượng

- Trụ sở : 09 Lê Lợi, Phường 1, Tp. Vũng Tàu.
- Tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần TM DV Bến Thành : 37,5%.

7. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

8. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2012: 335 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2011: 345 nhân viên)

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và các thông tư sửa đổi bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh:**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm hiện hành được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, ngoại trừ các thay đổi trong các chính sách kế toán trình bày dưới đây:

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp ("Thông tư 179") có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012, áp dụng từ năm tài chính 2012 và thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư 180/2012/TT-BTC hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp ("Thông tư 180") có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012. Thông tư này thay thế Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/8/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán Quỹ trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp.

Công ty đã áp dụng Thông tư 179, Thông tư 180 và thực hiện theo hướng dẫn của các Thông tư này cho năm hiện hành.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con. Vốn chủ sở hữu và lợi nhuận thuần được phân phối cho các chủ sở hữu không có quyền kiểm soát, được thể hiện riêng biệt trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo được lập trên cơ sở dồn tích. Các chính sách kế toán của công ty mẹ và công ty con áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong các năm trước.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất bao gồm cả kết quả hoạt động của các công ty con.

Toàn bộ các tài khoản và các nghiệp vụ giao dịch trong nội bộ công ty đã được loại trừ.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bến Thành và Báo cáo tài chính của một (01) công ty con nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền.**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VND) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh, chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá nhập trước xuất trước.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):**6.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

6.2. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Mua tài sản cố định vô hình riêng biệt

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Khi quyền sử dụng đất được mua cùng với nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ..., hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn liên doanh.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

6.4. Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

<i>Nhà xưởng, vật kiến trúc</i>	<i>25 - 30 năm</i>
<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>6 - 10 năm</i>
<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>6 - 10 năm</i>
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>3 - 6 năm</i>
<i>Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.</i>	
<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>3 năm</i>

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:**

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết: được ghi nhận khi công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các Công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Phương pháp vốn chủ sở hữu là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của công ty liên kết.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn và dài hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác: Là các khoản đầu tư như: trái phiếu, cổ phiếu, cho vay... hoặc các khoản vốn công ty đang đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật mà chỉ nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết và thời hạn thu hồi dưới 1 năm (đầu tư ngắn hạn) hoặc trên 1 năm (đầu tư dài hạn). Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính:

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác được lập khi Công ty khi xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty được đầu tư bị lỗ.

Mức lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) hoặc giá trị khoản đầu tư có thể thu hồi được và giá gốc ghi trên sổ kế toán của các khoản đầu tư.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Là lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp; Được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn tại công ty bao gồm: Chi phí công cụ dụng cụ, máy móc và chi phí sửa chữa tài sản ... liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả: được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: chi phí bán hàng, lãi vay phải trả, các chi phí phải trả khác.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các thành viên hay cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác.

+ **Thặng dư vốn cổ phần:** Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

+ Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá : Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của các khoản mục tiền tệ và nợ ngắn hạn được phản ánh ở tài khoản "Chênh lệch tỷ giá" trong khoản mục Vốn chủ sở hữu, và sẽ được ghi giảm trong kỳ tiếp theo.

+ Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hội tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hội tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty được thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán.; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái; Chiết khấu thanh toán cho người mua và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản, nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

16. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp mới thành lập, chênh lệch tỷ giá phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối năm tài chính được phản ánh lũy kế, riêng biệt trên Bảng cân đối kế toán. Khi tài sản hoàn thành đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng thì chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn này được phân bổ dần vào thu nhập tài chính (chênh lệch tỷ giá tăng) hoặc chi phí tài chính (chênh lệch tỷ giá giảm) không quá 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động.

Đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào cuối năm tài chính

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản trả trước cho người bán) có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ. Tỷ giá quy đổi tại ngày 31/12/2012 của Ngân hàng TMCP XNK VN là 20.810 VND/USD, của Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN và Ngân hàng Công Thương - CN 1 là 20.815 VND/USD.

Trong năm, Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179"), và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn của chuẩn mực kế toán số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("VAS10") sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

Hướng dẫn về chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ theo VAS 10 khác biệt so với quy định trong Thông tư 179 như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

Nghiệp vụ	Xử lý kế toán theo Thông tư 179	Xử lý kế toán theo VAS 10
Đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (ngoại trừ các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ).	Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.	Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm cuối năm tài chính.

Số dư cuối kỳ của các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ	Không thực hiện đánh giá lại chênh lệch tỷ giá số dư cuối kỳ.	Thực hiện đánh giá lại chênh lệch tỷ giá số dư cuối kỳ.
---	---	---

Ảnh hưởng đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính của Công ty nếu Công ty áp dụng VAS 10 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là không trọng yếu cho toàn bộ báo cáo.

17. Công cụ tài chính:**Tài sản tài chính**

Theo thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tình hình tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

18. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như ban Tổng giám đốc, hội đồng quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2012	01/01/2012
Tiền	4.496.697.372	7.657.960.327
Tiền mặt	2.825.449.700	2.860.754.000
Tiền gửi ngân hàng	1.671.247.672	4.797.206.327
Các khoản tương đương tiền	54.591.707.417	69.042.476.083
Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng	54.591.707.417	69.042.476.083
Cộng	59.088.404.789	76.700.436.410

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Chứng khoán đầu tư	37.817	886.980.000	34.070	886.980.000
<i>Ngân hàng TMCP</i>				
<i>Phương Nam - PNB</i>	37.817	886.980.000	34.070	886.980.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(584.444.000)		(631.455.000)
Cộng	37.817	302.536.000	34.070	255.525.000

Lý do thay đổi đối với từng khoản đầu tư:

† Trong kỳ, cổ phiếu Ngân hàng TMCP Phương Nam ghi nhận tăng 3.747 CP do công ty được nhận cổ tức năm 2010 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 11%.

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2012	01/01/2012
Khách hàng trong nước	3.129.736.645	4.475.362.187
Cộng	3.129.736.645	4.475.362.187

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2012	01/01/2012
Nhà cung cấp trong nước	1.295.909.200	1.432.455.060
Nhà cung cấp nước ngoài	-	1.305.397.618
Cộng	1.295.909.200	2.737.852.678

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	31/12/2012	01/01/2012
5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu Tổng Công ty Bến Thành	25.000.000.000	34.000.000.000
Phải thu Trường THPT tư thục Phan Bội Châu	1.890.000.000	1.890.000.000
Phải thu Công ty TNHH Bến Thành Savico	-	105.000.000
Phải thu khác	104.888.860	1.032.888.536
Cộng	26.994.888.860	37.027.888.536
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
Số dư đầu năm	1.106.279.841	1.093.305.846
Số dự phòng trong năm	-	12.973.995
Hoàn nhập	(1.106.279.841)	-
Số dư cuối năm	-	1.106.279.841
7. Hàng tồn kho		
Nguyên liệu, vật liệu	6.393.869	31.539.546
Hàng hoá	39.652.738.515	37.093.654.871
Cộng giá gốc hàng tồn kho	39.659.132.384	37.125.194.417
(-) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	39.659.132.384	37.125.194.417
8. Chi phí trả trước ngắn hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ	27.176.497	66.542.209
Chi phí trả trước	25.710.420	43.218.870
Cộng	52.886.917	109.761.079
10. Tài sản ngắn hạn khác		
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	128.364.426	-
Thuế TNDN nộp thừa	128.364.426	-
Tài sản ngắn hạn khác	99.000.000	1.506.991.168
Tạm ứng	99.000.000	306.132.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	1.200.859.168
Cộng	227.364.426	1.506.991.168

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	79.109.179.218	20.649.412.038	3.773.223.266	964.106.987	104.495.921.509
<i>Mua trong kỳ</i>		24.619.072		48.772.700	73.391.772
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>		(24.260.000)		(59.048.714)	(83.308.714)
Số dư cuối kỳ	79.109.179.218	20.649.771.110	3.773.223.266	953.830.973	104.486.004.567
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	12.351.800.871	10.797.511.551	2.328.404.545	832.936.334	26.310.653.301
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	3.201.019.620	2.755.410.685	406.728.313	78.776.682	6.441.935.300
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	(24.260.000)	-	(59.048.714)	(83.308.714)
Số dư cuối kỳ	15.552.820.491	13.528.662.236	2.735.132.858	852.664.302	32.669.279.887
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	66.757.378.347	9.851.900.487	1.444.818.721	131.170.653	78.185.268.208
Số dư cuối kỳ	63.556.358.727	7.121.108.874	1.038.090.408	101.166.671	71.816.724.680

* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 7.243.991.036 VNĐ.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.211.415.067 VNĐ.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: không có.

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.

* Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: không có.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	24.866.100.000	-	32.000.000	24.898.100.000
Tăng khác	-	-	100.800.000	100.800.000
Số dư cuối kỳ	24.866.100.000	-	132.800.000	24.998.900.000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	-	32.000.000	32.000.000
Khấu hao trong năm	-	-	12.825.806	12.825.806
Số dư cuối kỳ	-	-	44.825.806	44.825.806
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	24.866.100.000	-	-	24.866.100.000
Số dư cuối kỳ	24.866.100.000	-	87.974.194	24.954.074.194

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

31/12/2012

01/01/2012

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho các dự án

+ Công trình cao ốc văn phòng 120 Bến Chương Dương	32.781.099.228	32.323.771.955
+ Công trình cao ốc văn phòng 129-131 Tôn Thất Đạm	10.514.249.328	10.272.808.419
+ Công trình căn hộ Splendor	1.274.018.400	1.210.058.182
+ Công trình khách sạn 25 Trương Định	5.505.902.580	2.809.586.290
+ Công trình khác	101.136.364	101.136.364
Cộng	50.176.405.900	46.717.361.210

18. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

31/12/2012

01/01/2012

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào cty liên kết, liên doanh	3.940.534	41.114.376.303	-	3.206.652.605
+ Cty CP Đầu tư & KT XD Bến Thành		-		1.200.000.000
+ Cty TNHH TM DV TH Bến Thành Savico		1.332.644.468		1.506.652.605
+ Cty CP Đầu tư & Dịch vụ Dân Sinh		500.000.000		500.000.000
+ Cty CP Cơ khí Tân Bình	940.534	9,361.332.350		-
+ Cty CP Đầu tư Thịnh Vượng	3.000.000	29.920.399.485		-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư dài hạn khác	3.724.023	37.771.729.356	4.042.126	46.604.687.446
Đầu tư cổ phiếu	10.002	100.026.903	570.702	8.932.984.993
+ Cty CP Cơ khí Tân Bình	-	-	440.000	5.720.000.000
+ Cty CP Bảo hiểm Viễn Đông	10.000	100.000.000	100.000	2.800.000.000
+ Ngân hàng TMCP EximBank	2	26.903	30.702	412.984.993
Đầu tư dài hạn khác	3.714.021	37.671.702.453	3.471.424	37.671.702.453
+ Cty CP Bến Thành Long Hải	361.200	3.612.000.000	361.200	3.612.000.000
+ Cty TNHH Chợ Cửa khẩu Mộc Bài		1.000.000.000		1.000.000.000
+ Cty TNHH Phở 2000		100.000.000		100.000.000
+ Ngân hàng TMCP Phương Đông	3.352.821	32.959.702.453	3.110.224	32.959.702.453
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(13.747.632.673)		(17.442.169.246)
Cộng	7.664.557	65.138.472.986	4.042.126	32.369.170.805

Lý do thay đổi đối với từng khoản đầu tư:

- + Khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư & KT XD Bến Thành giảm 1,2 tỷ do thu hồi vốn đầu tư.
- + Khoản đầu tư vào Công ty CP Cơ khí Tân Bình tăng 500.534 CP, tương ứng tăng 3.641.332.350 đồng do mua thêm cổ phần trong đợt tăng vốn điều lệ từ 22 tỷ đồng lên 35 tỷ đồng.
- + Khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Thịnh Vượng tăng 3 triệu CP, tương ứng tăng 29.920.399.485 đồng do đầu tư mới.
- + Khoản đầu tư vào Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông giảm 90.000 CP, tương ứng giảm 2,7 tỷ đồng do Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông tái cấu trúc vốn 10 còn 1, theo đó vốn đầu tư của chủ sở hữu từ 400 tỷ đồng xuống còn 40 tỷ đồng.
- + Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Eximbank giảm 30.700 CP, tương ứng giảm 412.958.090 đồng do bán bớt.
- + Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Phương Đông tăng 242.597 CP do được nhận cổ phiếu thưởng.

19. Chi phí trả trước dài hạn và tài sản dài hạn khác	31/12/2012	01/01/2012
Chi phí trả trước dài hạn	23.498.326	3.838.895.672
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	6.198.326	224.733.283
Chi phí sửa chữa TSCĐ	17.300.000	3.614.162.389
Tài sản dài hạn khác	250.430.791	373.000.000
Ký quỹ ký cược dài hạn	250.430.791	373.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

+ Ngân hàng TMCP Công Thương - CN 1	250.430.791	250.000.000
+ Công ty CP Vật tư Tổng hợp Tp.HCM		120.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Tp.HCM	-	1.000.000
+ Công ty CP Bảo hiểm Bảo Minh	-	2.000.000
Cộng	273.929.117	4.211.895.672
	31/12/2012	01/01/2012
20. Vay và nợ ngắn hạn		
Vay ngắn hạn Ngân hàng Công Thương CN 1	-	8.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả Ngân hàng Vietcombank	-	1.220.418.504
Cộng	-	9.220.418.504
	31/12/2012	01/01/2012
21. Phải trả người bán		
Nhà cung cấp trong nước	23.545.335.087	22.297.372.176
Nhà cung cấp nước ngoài	984.650.850	121.989.103
Cộng	24.529.985.937	22.419.361.279
	31/12/2012	01/01/2012
22. Người mua trả tiền trước		
Khách hàng trong nước	2.014.309.686	2.544.174.414
Cộng	2.014.309.686	2.544.174.414
	31/12/2012	01/01/2012
23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
Thuế giá trị gia tăng	1.241.234.462	1.692.840.695
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.133.268
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.514.388.098	3.034.814.937
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	6.696.456.335	7.119.886.284
Thuế thu nhập cá nhân	134.099.416	359.620.616
Cộng	11.586.178.311	12.208.295.800
	31/12/2012	01/01/2012
24. Chi phí phải trả		
Phí kiểm toán	140.000.000	140.000.000
Cộng	140.000.000	140.000.000
	31/12/2012	01/01/2012
25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	181.412.520	22.724.346
Bảo hiểm y tế	41.339.424	35.390.893
Cổ tức chưa trả	170.741.500	176.368.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	52.000.000	100.093.851
Cộng	445.493.444	334.577.090
	31/12/2012	01/01/2012
26. Phải trả dài hạn khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (nhận tiền cọc cho thuê mặt bằng)	23.882.137.767	27.945.207.307
Cộng	23.882.137.767	27.945.207.307

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	31/12/2012	01/01/2012
27. Vay và nợ dài hạn		
Vay dài hạn	-	1.830.627.750
Vay ngân hàng	-	1.830.627.750
+ Ngân hàng Vietcombank	-	1.830.627.750
Cộng	-	1.830.627.750

29. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu (xem trang số 29)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2012	01/01/2012
Vốn góp của Nhà nước	43,39%	38.182.930.000	38.200.030.000
Vốn góp của các nhà đầu tư khác	56,61%	49.817.070.000	49.799.970.000
Cộng	100,00%	88.000.000.000	88.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2012	Năm 2011
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	88.000.000.000	88.000.000.000
Vốn góp đầu năm	88.000.000.000	88.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	88.000.000.000	88.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	26.400.000.000	29.040.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2012	01/01/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.800.000	8.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.800.000	8.800.000
Cổ phiếu thường	8.800.000	8.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.800.000	8.800.000
Cổ phiếu thường	8.800.000	8.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2012	01/01/2012
Quỹ đầu tư phát triển	9.156.926.111	9.156.926.111
Quỹ dự phòng tài chính	7.628.731.915	6.084.019.966
Cộng	16.785.658.026	15.240.946.077

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và được sử dụng vào xử lý khi doanh nghiệp gặp rủi ro về kinh doanh hoặc thua lỗ kéo dài.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

29. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	88.000.000.000	127.419.120.000	2.543.685	9.156.926.111	4.476.647.318	34.212.114.102	263.267.351.216
Lợi nhuận						33.731.657.767	33.731.657.767
Tăng khác			166.970.091		1.607.372.648	445.132.680	2.219.475.419
Trích lập quỹ						(7.053.350.249)	(7.053.350.249)
Chia cổ tức						(29.040.000.000)	(29.040.000.000)
Giảm khác			(157.154.441)			(408.327.274)	(565.481.715)
Số dư cuối năm trước	88.000.000.000	127.419.120.000	12.359.335	9.156.926.111	6.084.019.966	31.887.227.026	262.559.652.438
Số dư đầu năm nay	88.000.000.000	127.419.120.000	12.359.335	9.156.926.111	6.084.019.966	31.887.227.026	262.559.652.438
Lợi nhuận kỳ này						35.438.088.148	35.438.088.148
Tăng khác kỳ này			107.864.635		1.544.711.949	6.066.940.499	7.719.517.083
Trích lập quỹ kỳ này						(6.785.875.769)	(6.785.875.769)
Chia cổ tức kỳ này						(26.400.000.000)	(26.400.000.000)
Giảm khác kỳ này			(120.223.970)			(2.139.027.970)	(2.259.251.940)
Số dư cuối kỳ này	88.000.000.000	127.419.120.000	-	9.156.926.111	7.628.731.915	38.067.351.934	270.272.129.960

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD

	Năm 2012	Năm 2011
32. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng	268.428.986.131	233.135.810.395
Doanh thu cung cấp dịch vụ	56.815.453.653	56.352.919.821
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	-	21.645.775.454
Cộng	325.244.439.784	311.134.505.670
33. Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	1.541.305	
Hàng bán bị trả lại	65.369.094	
Cộng	66.910.399	-
34. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	268.362.075.732	233.135.810.395
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	56.815.453.653	56.352.919.821
Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản đầu tư	-	21.645.775.454
Cộng	325.177.529.385	311.134.505.670
35. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của hàng hóa đã bán	208.725.042.295	171.598.563.881
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	21.279.474.571	20.142.185.732
Chi phí kinh doanh bất động sản	-	18.996.782.350
Cộng	230.004.516.866	210.737.531.963
36. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.453.598.307	13.215.498.784
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.839.091.571	392.664.457
Lãi kinh doanh chứng khoán	25.356.929	46.321.165
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.951.300	4.786.115
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	24.210.451	-
Cộng	14.346.208.558	13.659.270.521
37. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	230.054.691	785.282.802
Lỗ bán chứng khoán	-	3.812.980.111
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.015.191.560	64.458.300
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	7.200.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(3.741.547.573)	9.483.628.379
Chi phí tài chính khác	3.024.017.929	21.000
Cộng	1.527.716.607	14.153.570.592

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2012	Năm 2011
38. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	33.450.395.453	30.106.639.689
Chi phí vật liệu, bao bì	475.039.202	611.083.250
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	493.695.911	439.139.864
Chi phí khấu hao TSCĐ	156.848.813	164.463.036
Chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa	70.837.000	65.098.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.400.570.439	3.046.337.468
Chi phí bằng tiền khác	1.495.395.100	765.292.255
Cộng	39.542.781.918	35.198.053.562
39. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	6.721.753.535	5.972.741.251
Chi phí vật liệu, bao bì	495.442.606	417.235.028
Chi phí đồ dùng văn phòng	336.834.659	291.374.149
Chi phí khấu hao TSCĐ	860.094.483	926.859.048
Thuế, phí, lệ phí	5.199.377.931	5.013.999.420
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.106.279.841)	12.973.995
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.525.162.170	3.626.749.164
Chi phí bằng tiền khác	4.479.868.085	3.547.933.852
Cộng	21.512.253.628	19.809.865.907
40. Thu nhập khác		
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý Tài sản cố định	5.909.091	18.818.182
Thu tiền phạt do vi phạm Hợp đồng kinh tế	247.693.266	270.120.200
Thu nợ khó đòi xóa sổ	750.302.736	-
Thu nhập khác	256.316.251	48.125.582
Cộng	1.260.221.344	337.063.964
41. Chi phí khác		
Tiền bị phạt thuế, truy thu thuế	487.378.370	7.388.201
Chi phí khác	72.694	21.887.648
Cộng	487.451.064	29.275.849
42. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	47.620.419.751	45.668.142.293
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	(829.765.057)	(525.603.589)
- Các khoản điều chỉnh giảm	1.032.996.965	332.660.879
	(1.862.762.022)	(858.264.468)
3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành (1+2)	46.790.654.694	45.142.538.704
4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.697.663.674	11.285.634.676
5. Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	-	-
6. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	11.697.663.674	11.285.634.676

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2012	Năm 2011
44. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.781.988.796	1.757.189.866
Chi phí nhân công	40.172.148.988	36.079.380.940
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.016.943.296	1.091.322.084
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.871.101.700	6.673.086.632
Chi phí khác	10.212.852.766	9.406.939.947
Cộng	61.055.035.546	55.007.919.469
45. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2012	Năm 2011
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	35.438.088.148	33.731.657.767
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	35.438.088.148	33.731.657.767
Cổ phiếu công đồng đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.800.000	8.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.027	3.833

46. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc xem xét áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

46.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 01 tháng 01 năm 2012.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 01 tháng 01 năm 2012.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và tiền cho vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012		
VNĐ	+ 300	1.772.652.144
VNĐ	- 300	(1.772.652.144)

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là không đáng kể. Do đó, nếu giá cổ phiếu này thay đổi thì lợi nhuận trước thuế của công ty cũng không bị ảnh hưởng đáng kể.

46.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay.

Phải thu khách hàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

46.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

31 tháng 12 năm 2012	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Các khoản vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	24.529.985.937			24.529.985.937
Các khoản phải trả, phải nộp khác	445.493.444	14.584.305.200	9.297.832.567	24.327.631.211
Chi phí phải trả	140.000.000	-	-	140.000.000
Cộng	25.115.479.381	14.584.305.200	9.297.832.567	48.997.617.148
01 tháng 01 năm 2012				
Các khoản vay và nợ	9.220.418.504	1.830.627.750		11.051.046.254
Phải trả người bán	22.419.361.279			22.419.361.279
Các khoản phải trả, phải nộp khác	334.577.090	15.831.400.400	12.113.806.907	28.279.784.397
Chi phí phải trả	140.000.000	-	-	140.000.000
Cộng	32.114.356.873	17.662.028.150	12.113.806.907	61.890.191.930

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

47. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2012		01/01/2012		31/12/2012	01/01/2012
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính					-	-
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	100.026.903	-	3.212.984.993	(2.300.000.000)	100.026.903	912.984.993
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	886.980.000	(584.444.000)	886.980.000	(631.455.000)	302.536.000	255.525.000
- Phải thu khách hàng	3.129.736.645	-	4.475.362.187	(679.279.841)	3.129.736.645	3.796.082.346
- Phải thu khác	26.994.888.860	-	37.027.888.536	(427.000.000)	26.994.888.860	36.600.888.536
- Tiền và các khoản tương đương tiền	59.088.404.789	-	76.700.436.410	-	59.088.404.789	76.700.436.410
- Tài sản tài chính khác	349.430.791	-	1.879.991.168	-	349.430.791	1.879.991.168
TỔNG CỘNG	90.549.467.988	(584.444.000)	124.183.643.294	(4.037.734.841)	89.965.023.988	120.145.908.453
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	-	-	11.051.046.254	-	-	11.051.046.254
- Phải trả người bán	24.529.985.937	-	22.419.361.279	-	24.529.985.937	22.419.361.279
- Phải trả khác	24.327.631.211	-	28.279.784.397	-	24.327.631.211	28.279.784.397
- Chi phí phải trả	140.000.000	-	140.000.000	-	140.000.000	140.000.000
- Nợ phải trả tài chính khác	-	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	48.997.617.148	-	61.890.191.930	-	48.997.617.148	61.890.191.930

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

47. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ**

Vào ngày 24/01/2013, Công ty đã được Sở KH & ĐT Tp.HCM cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 13. Theo đó, vốn điều lệ của công ty là 106 tỷ đồng và tổng số cổ phần là 10,6 triệu cổ phiếu. Và vào ngày 09/01/2013, tổng số 10,6 triệu cổ phiếu đã chính thức được giao dịch trên sàn Chứng khoán Hồ Chí Minh.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong kỳ	Số dư cuối kỳ 31/12/2012
Công ty TNHH TM DV TH Bến Thành Savico	Công ty liên kết	DT cho thuê mặt bằng	627.955.000	
		Doanh thu nhận trước		104.300.000
Tổng Công ty Bến Thành	Cổ đông	Phải thu ngắn hạn khác		25.000.000.000
Ban Tổng Giám đốc		Lương	873.165.707	

5. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**a. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty báo cáo hoạt động theo các bộ phận kinh doanh : bán hàng hóa thương mại, dịch vụ nhà hàng, dịch vụ cho thuê mặt bằng, dịch vụ khác và bán hàng hóa bất động sản đầu tư. Công ty phân tích doanh thu và giá vốn theo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Bộ phận bán hàng hóa thương mại	268.362.075.732	208.725.042.295	59.637.033.437
Bộ phận dịch vụ nhà hàng	5.380.898.543	3.451.951.676	1.928.946.867
Bộ phận dịch vụ cho thuê mặt bằng	50.290.606.959	16.804.525.009	33.486.081.950
Bộ phận dịch vụ du lịch	847.945.853	774.875.092	73.070.761
Bộ phận dịch vụ khác	296.002.298	248.122.794	47.879.504
Cộng	325.177.529.385	230.004.516.866	95.173.012.519

Kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Bộ phận bán hàng hóa thương mại	233.135.810.395	171.598.563.881	61.537.246.514
Bộ phận dịch vụ nhà hàng	3.626.975.272	2.043.912.473	1.583.062.799
Bộ phận dịch vụ cho thuê mặt bằng	50.198.854.894	15.801.311.703	34.397.543.191
Bộ phận dịch vụ du lịch	2.306.434.592	2.131.039.446	175.395.146
Bộ phận dịch vụ khác	220.655.063	165.922.110	54.732.953
Bộ phận bán hàng hóa bất động sản đầu tư	21.645.775.454	18.996.782.350	2.648.993.104
Cộng	311.134.505.670	210.737.531.963	100.396.973.707

b. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo khu vực địa lý:

Công ty có các chi nhánh và cửa hàng hạch toán phụ thuộc, hoạt động kinh doanh trên cùng địa bàn là Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý trong thuyết minh báo cáo tài chính.

Kế toán trưởng

Phạm Hoàng Nam

TP. HCM ngày 06 tháng 02 năm 2013
 Tổng Giám đốc
 ĐỖ HÙNG KIỆT